

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410315)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124180106	Ngô Cao An	20/07/2006	CCQ2418C			0,0	CT		
2	2124180096	Nguyễn Hoàng Gia	24/05/2006	CCQ2418C	820	Ru	3,4	2,4	2,8	
3	2124180119	Nguyễn Quân	25/09/2006	CCQ2418A	819	Bz	7,2	5,2	6,0	
4	2124180040	Trịnh Gia	27/07/2006	CCQ2418B	822	Bao	6,1	4,2	5,0	
5	2124180073	Dương Thành	21/03/2006	CCQ2418C	822	Can	6,1	3,3	4,4	
6	2124180069	Nguyễn Quang	13/08/2006	CCQ2418B	820	Chu	5,8	2,5	3,8	
7	2124180104	Nguyễn Chí	12/12/2006	CCQ2418C	819	Cong	7,1	4,4	5,5	
8	2124180034	Võ Văn	25/02/2005	CCQ2418A	822	Dz	5,2	2,4	3,5	
9	2124180091	Nguyễn Hải	20/11/2006	CCQ2418C			0,0	CT		
10	2124180095	Nguyễn Công	23/05/2006	CCQ2418C			0,0	CT		
11	2124180047	Nguyễn Văn	08/06/2006	CCQ2418B	819	Da	8,3	5,4	6,6	
12	2124180026	Phạm Minh	08/07/2003	CCQ2418A			0,0	CT		
13	2124180077	Phan Thành	15/05/2006	CCQ2418C	821	Dz	6,4	5,1	5,6	
14	2124180084	Võ Khắc	15/04/2006	CCQ2418C	820	Dz	5,1	3,4	4,1	
15	2124180097	Bùi Đức	01/07/2004	CCQ2418C	822	Hai	5,4	4,0	4,6	
16	2124180107	Trần Văn	04/09/2005	CCQ2418C	819	Hai	7,4	6,6	6,9	
17	2124180065	Võ Quốc	15/12/2006	CCQ2418B	822	Hai	5,8	3,5	4,4	
18	2124180024	Trần Phước	06/11/2006	CCQ2418A			0,0	CT		
19	2124180023	Võ Nhật	27/01/2005	CCQ2418A			0,0	CT		
20	2124180037	Kiều Minh	07/12/2006	CCQ2418B	821	10	5,2	3,7	4,3	
21	2124180081	Nguyễn Trung	01/09/2004	CCQ2418C			5,0			
22	2124180113	Nguyễn Thanh	12/04/2006	CCQ2418C	821	Hong	4,5	3,6	4,0	
23	2124180030	Nguyễn Phi	10/05/2006	CCQ2418A	820	Hung	7,1	4,6	5,6	
24	2124180031	Nguyễn Thành	18/07/2006	CCQ2418A	822	Hung	6,2	4,8	5,4	
25	2124180125	Hồ Quốc	05/11/2006	CCQ2418B	821	Huy	4,9	4,5	4,7	
26	2124180093	Hoàng Văn	27/02/2006	CCQ2418C			0,0	CT		
27	2124180124	Nguyễn Ngọc	11/06/2006	CCQ2418B			2,9			
28	2122030089	Phạm Gia	17/05/2004	CCQ2203C	820	Huy	3,2	2,2	2,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

73

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410315)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124180075	Sử Nhất	Huy	25/08/2003	CCQ2418A		0,0	CT		
30	2124180109	Đình Quốc	Khánh	30/08/2006	CCQ2418C	820	8,4	6,1	7,0	
31	2124180121	Lựu Đình	Khôi	19/01/2006	CCQ2418A	819	5,0	1,6	3,0	
32	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	821	5,9	3,2	4,3	
33	2124180126	Trương Tuấn	Kiệt	14/09/2005	CCQ2418B		0,0	CT		
34	2124180036	Thạch	Kim	21/07/2006	CCQ2418A	821	4,5	7,0	6,0	
35	2124180003	Vương Gia	Linh	02/06/2006	CCQ2418A		0,0	CT		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D. 27
R. 03

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Tr. Anh

Thị Huyền
Phạm Văn Hạnh

Phường Thị Ngọc

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410318)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 30.

Số bài thi:30.

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124230020	Đỗ Kỳ Anh	08/04/2006	CCQ2423A	822	U	7,5	4,6	5,8	
2	2124220011	Trần Gia Bảo	04/03/2006	CCQ2422A	821	Bao	6,5	6,0	6,2	
3	2124210090	Hồ Thị Ngọc Bích	18/03/2006	CCQ2421C	820	B	7,0	6,0	6,4	
4	2124230001	Hồ Hữu Chánh	10/07/2006	CCQ2423A	819	Chánh	7,7	7,3	7,5	
5	2122030183	Nguyễn Công Chương	05/12/2004	CCQ2203F	822	Ch	7,8	5,4	6,4	
6	2124210073	Nguyễn Phạm Diễm	10/01/2006	CCQ2421C	821	Di	6,5	4,9	5,5	
7	2122030154	Trần Ngọc Hải Đăng	16/10/2004	CCQ2203E	820	Doi	7,8	5,3	6,3	
8	2124230003	Nguyễn Huỳnh Tuấn Đạt	24/11/2006	CCQ2423A	821	D	8,6	5,5	6,7	
9	2124230017	Nguyễn Ngọc Anh Đạt	16/01/2006	CCQ2423A	822	Dat	7,7	5,8	6,6	
10	2123060113	Nguyễn Tấn Đạt	23/06/2005	CCQ2306A	819	Dat	7,2	4,8	5,8	
11	2124230025	Vũ Thành Đạt	25/10/2005	CCQ2423A			0,0	CT		
12	2124220028	Nguyễn Thị Nga Diên	10/05/2005	CCQ2422A	821	Diên	8,3	7,0	7,5	
13	2124220005	Lê Tuấn Dũng	30/06/2006	CCQ2422A	822	Dũng	8,3	7,8	8,0	
14	2124210104	Phạm Mỹ Duyên	20/05/2006	CCQ2421C	819	Duyên	9,1	8,2	8,6	
15	2124210077	Tổng Nguyễn Hương Giang	13/04/2006	CCQ2421C			7,7			
16	2124220004	Trần Khánh Hà	24/03/2006	CCQ2422A	820	HA	8,0	4,9	6,2	
17	2124210078	Trần Thị Thu Hà	13/11/2006	CCQ2421C	821	Ha	7,7	5,5	6,4	
18	2124210080	Lương Gia Hân	26/06/2006	CCQ2421C	822	han	6,5	3,4	4,6	HL
19	2124230015	Huỳnh Hoài Hiền	23/11/2004	CCQ2423A	819	Hien	7,1	4,5	5,3	
20	2124210101	Lê Thị Mỹ Hiệp	22/12/2006	CCQ2421C	820	Hiep	7,6	6,7	7,1	
21	2122030170	Nguyễn Trương Hoàng	17/11/2004	CCQ2203E	821	ky	7,3	5,2	6,0	
22	2124220016	Nguyễn Lê Quang Hưng	01/10/2006	CCQ2422A	822	ly	7,5	6,7	7,0	
23	2122170661	Uông Đông Hưng	08/03/2001	CCQ2217Q	819	hung	7,7	4,8	6,0	
24	2124220012	Đặng Quang Huy	07/10/2004	CCQ2422A			0,0	CT		
25	2124220007	Lê Quốc Huy	30/07/2005	CCQ2422A	821	huy	7,1	4,5	5,5	
26	2124230013	Linh Quang Huy	23/09/2006	CCQ2423A	822	h	7,5	6,0	6,6	
27	2124230028	Trần Trường Huy	23/03/2006	CCQ2423A	819	huy	6,5	2,9	4,3	HL
28	2124220006	Huỳnh Hồng Khanh	24/09/2003	CCQ2422A	820	kh	6,8	5,5	6,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410318)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 30

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khánh	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124230030	Đỗ Nam	Khánh	05/01/2006	CCQ2423A	821	Khánh	6,5	4,4	5,2	
30	2122030161	Trần Gia	Khiêm	20/01/2004	CCQ2203E	822	Khiêm	6,5	5,8	6,1	
31	2124220015	Huỳnh Lê	Khoa	20/05/1998	CCQ2422A			0,0	CT		
32	2124230034	Nguyễn Đức Anh	Khoa	18/03/2006	CCQ2423A	820	Khoa	6,5	4,1	5,1	
33	2124220021	Trần Minh	Khôi	06/07/2006	CCQ2422A	827	Khôi	6,5	4,7	5,4	
34	2123200702	Lưu Ngọc	Khuê	08/11/2005	CCQ2320G			2,0	CT		
35	2124230037	Lê Anh	Kiệt	05/01/2006	CCQ2423A	819	Kiệt	6,5	3,1	4,5	HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 GV. Viên chấm thi 1 GV. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410322)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124320055	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	01/06/2005	CCQ2432B	819	Anh	9,9	8,7	9,2
2	2124320017	Phạm Quỳnh	Anh	08/06/2006	CCQ2432A	820	Quỳnh	9,6	8,2	8,8
3	2124320051	Huỳnh Xuân	Bá	19/06/2006	CCQ2432B	819	Bá	7,5	6,7	7,0
4	2124310157	Nguyễn Trường	Bắc	17/08/2006	CCQ2431E			0,0	CT	
5	2124030184	Lê Ngọc	Bảo	11/11/2006	CCQ2403F	819	Bảo	5,8	5,1	5,4
6	2124320058	Nguyễn Gia	Bảo	09/12/2006	CCQ2432B			0,0	CT	
7	2124320040	Nguyễn Quốc	Bảo	10/09/2006	CCQ2432A	819	Quốc	7,6	6,5	6,9
8	2124320072	Lê Nguyễn Như	Bích	13/09/2006	CCQ2432B	822	Như	7,5	7,1	7,3
9	2124310148	Chí Quang	Diệu	24/10/2006	CCQ2431E			0,0	CT	
10	2124320004	Lê Thị Tâm	Đoan	08/09/2004	CCQ2432A	822	Tâm	6,8	5,5	6,0
11	2124320031	Huỳnh Hữu	Đứng	26/03/2006	CCQ2432A			0,0	CT	
12	2124320067	Lê Thái	Dương	21/03/2006	CCQ2432B	820	Thái	6,9	4,8	5,6
13	2124320037	Nguyễn Văn	Dương	15/04/2005	CCQ2432A	824	Văn	9,7	7,6	8,4
14	2124320015	Trần Thị Thúy	Giang	24/08/2006	CCQ2432A	822	Thúy	6,5	5,2	5,7
15	2124320064	Hồ Thị Kim	Hà	09/06/2006	CCQ2432B	821	Hà	7,6	6,2	6,8
16	2124320045	Đặng Ngọc	Hải	13/10/2006	CCQ2432B	822	Ngọc	5,9	4,3	4,9
17	2124320019	Lê Thị Thanh	Hiền	23/12/2005	CCQ2432A	821	Thanh	4,6	3,7	4,1
18	2124320137	Phạm Đình	Hiền	20/07/2006	CCQ2432A	822	Đình	4,4	6,3	5,5
19	2124310147	Nguyễn Sỹ	Hiệp	30/12/2006	CCQ2431E	821	Sỹ	4,3	6,3	5,5
20	2124320049	Phan Ngọc	Hoa	27/05/2006	CCQ2432B	822	Ngọc	9,0	7,6	8,2
21	2124310155	Nguyễn Tấn	Huy	20/03/2006	CCQ2431E	821	Tấn	8,0	6,6	7,2
22	2124320057	Nguyễn Trường	Huy	18/12/2006	CCQ2432B	820	Trường	4,3	6,2	5,4
23	2124320142	Đoàn Thị	Huyền	01/01/2006	CCQ2432B	821	Thị	9,3	7,8	8,4
24	2124320060	Trần Văn	Khải	09/03/2001	CCQ2432B			0,0	CT	
25	2124320073	Giang Minh	Khánh	05/06/2003	CCQ2432B	819	Minh	6,1	4,9	5,4
26	2124320005	Lê Duy	Khánh	14/05/2006	CCQ2432A	820	Duy	7,5	5,4	6,2
27	2124310141	Nguyễn Duy	Khuong	07/04/2006	CCQ2431E	819	Duy	6,5	6,4	6,4
28	2124030177	Đỗ Quang	Linh	18/11/1999	CCQ2403F			0,0	CT	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410322)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi: 28..

Số tờ giấy thi: 28..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124320025	Võ Lê Ngọc Linh	19/08/2006	CCQ2432A	822		6,6	7,2	7,0	
30	2124320048	Huỳnh Thị Mỹ Lợi	01/12/2006	CCQ2432B	819		8,7	6,4	7,3	
31	2124320044	Trịnh Lợi	27/04/2006	CCQ2432B	820		7,3	5,6	6,3	
32	2123120138	Đỗ Tấn Lượng	04/07/2005	CCQ2312C	821		8,2	6,6	7,2	
33	2124320053	Huỳnh Thạch Bảo Ly	09/01/2006	CCQ2432B	822		7,8	5,2	6,2	
34	2124320046	Phạm Thị Hồng Mai	09/03/2006	CCQ2432B	819		7,4	6,7	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ.26
H:01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410325)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330089	Hán Vương Quốc	Anh	25/06/2006	CCQ2433C	819 Anh	4,6	5,2	5,0	
2	2124330091	Lê Tài	Anh	27/12/2005	CCQ2433C	820 Tài	7,9	4,9	6,1	
3	2124330079	Trần Khánh	Đuy	26/08/2005	CCQ2433C		0,0			
4	2124330090	Bùi Trường	Giang	17/02/2006	CCQ2433C	822 Trường	6,9	4,9	5,7	
5	2124100077	Ngô Thị Thanh	Hà	03/01/2006	CCQ2410C	819 Thanh	9,7	7,4	8,3	
6	2124100222	Trần Thị Ngọc	Hân	11/11/2006	CCQ2410A	820 Ngọc	6,6	4,3	5,2	
7	2124330106	Nguyễn Nhật	Hào	26/04/2003	CCQ2433C		0,0			
8	2124100137	Nguyễn Thị	Hậu	24/04/2006	CCQ2410D	822 Hậu	7,4	3,4	5,0	
9	2124100104	Nguyễn Thị	Hoài	21/10/2005	CCQ2410C	821 Hoài	7,1	5,0	5,8	
10	2124330110	Vũ Văn	Hợp	09/10/1999	CCQ2433C					
11	2124100235	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	08/04/2005	CCQ2410B	819 Ngọc	8,3	4,8	6,2	
12	2124100092	Phan Thị Thu	Huyền	16/03/2005	CCQ2410C	822 Thu	8,9	4,3	6,1	
13	2124100114	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	16/10/2006	CCQ2410D	821 Kiều	7,6	6,4	6,9	
14	21243300206	Nguyễn Duy	Mẫn	06/12/2004	CCQ2430B		1,6			
15	2124330101	Nguyễn Đình	Minh	28/01/2006	CCQ2433C		0,9			
16	2124330099	Patáuxá	Minh	01/10/2005	CCQ2433C	820 Minh	8,0	4,0	5,6	
17	2124330098	Hoàng Nhật	Nam	17/04/2006	CCQ2433C		0,5			
18	2124300051	Hồ Mạnh	Nguyễn	21/03/2006	CCQ2430B	822 Mạnh	5,4	4,7	5,0	
19	2124100125	Đinh Thị Quỳnh	Nhi	03/08/2005	CCQ2410D	819 Quỳnh	6,9	5,1	5,8	
20	2124100128	Nguyễn Nhi	Nhi	01/01/2006	CCQ2410D	820 Nhi	7,8	4,9	6,1	
21	2124330087	Trương Văn	Nhiều	16/10/2005	CCQ2433C		5,1			
22	2124100110	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	13/07/2006	CCQ2410D	819 Nhung	7,9	4,3	5,7	
23	2124300178	Lê Đình	Pháp	20/10/2006	CCQ2430E	822 Đình	8,0	3,0	5,0	
24	2124330082	Trần Văn	Pháp	25/01/2006	CCQ2433C	821 Văn	6,1	5,3	5,6	
25	2124330095	Nguyễn Hồng	Phúc	04/07/2006	CCQ2433C	820 Hồng	6,7	4,7	5,5	
26	2124300044	Võ Ngọc Kim	Phương	03/11/2006	CCQ2430B	819 Kim	6,5	4,5	5,3	
27	2124330084	Nguyễn Quang	Quân	04/12/2006	CCQ2433C	822 Quang	6,5	4,6	5,4	
28	2124330081	Nguyễn Hải	Quốc	15/10/2006	CCQ2433C	821 Hải	6,8	6,1	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410325)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

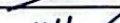
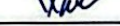
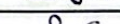
G. Viên ~~chấm~~ thi 1

GViên chấm thi 2

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: ...27...

Số tờ giấy thi: ... 2.7

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124300059	Tạ Long Quy	04/01/2006	CCQ2430B	820		8,3	5,4	6,6	
30	2124330088	Trần Văn Quý	02/08/2006	CCQ2433C	821		7,1	7,2	7,2	
31	2124100141	Nguyễn Lê Tú	08/11/2006	CCQ2410D	822		8,5	3,5	5,5	
32	2124100082	Nguyễn Thị Thu	06/06/2006	CCQ2410C	819		8,2	6,5	7,2	
33	2124330104	Nguyễn Duy Sang	15/09/2006	CCQ2433C	820		9,9	5,9	7,5	
34	2124300138	Hồ Văn Sơn	21/07/2006	CCQ2430D			0,0			
35	2124300187	Lê Hữu Tâm	12/12/2006	CCQ2430D	822		6,0	3,3	4,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410332)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 29..

Số bài thi: ...29...

Số tờ giấy thi: 29..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124030094	Nguyễn Quốc Bảo	06/08/2006	CCQ2403C	820	Bảo	8,8	59	71	
2	2124030134	Cao Nhật Chí	01/02/2006	CCQ2403D	821	Chí	8,6	48	63	
3	2124040098	Võ Tấn Đạt	18/12/2005	CCQ2404C	822	Dat	5,9	45	51	
4	2124030232	Phan Xuân Dũng	28/03/2006	CCQ2403C	819	Dung	9,0	37	58	
5	2124030138	Trần Quang Được	01/01/2006	CCQ2403D	820	Được	8,1	40	56	
6	2124030100	Nguyễn Văn Hiền	23/08/2006	CCQ2403C	821	Hiên	5,7	41	47	
7	2124030078	Thập Thuận Anh Duy	12/11/2006	CCQ2403C	822	Duy	4,5	37	40	
8	2124030092	Nguyễn Từ Duyên	02/07/2005	CCQ2403C	819	Duyên	6,6	44	53	
9	2122170183	Đinh Văn Hải	27/05/2004	CCQ2217E	820	Hai	8,9	76	81	
10	2124040090	Vũ Ngũ Công Anh	09/10/2006	CCQ2404C			0,0	CT	0,00	
11	2124030081	Nguyễn Lê Nhật Hưng	16/01/2006	CCQ2403C	822	Hung	8,7	69	76	
12	2124030110	Nguyễn Phúc Hưng	03/03/2006	CCQ2403D	821	Hung	9,1	57	71	
13	2124030104	Lê Quốc Huy	23/06/2006	CCQ2403C	820	Huy	9,0	53	68	
14	2124040091	Mai Đức Huy	24/06/2006	CCQ2404C	819	Huy	7,0	37	50	
15	2124030218	Phạm Xuân Huy	19/10/2006	CCQ2403D	822	Huy	6,1	55	57	
16	2124030087	Trần Quốc Huy	06/10/2006	CCQ2403C	821	Huy	6,3	52	56	
17	2124030118	Hồ Lê Kiên	01/05/2006	CCQ2403D	821	Kiên	8,7	50	65	
18	2124030129	Nguyễn Thành Lâm	16/11/2006	CCQ2403D	822	Lâm	8,6	70	76	
19	2124040083	Lê Minh Lực	06/06/2002	CCQ2404C	819	Luc	7,5	60	66	
20	2124030006	Lưu Thái Tùng	10/12/1999	CCQ2403A			0,0	CT	0,00	
21	2124040109	Nguyễn Thanh Nghiê	10/09/2006	CCQ2404C	821	Nghie	10,0	59	75	
22	2124040114	Vô Công Nguyên	29/09/2005	CCQ2404C	822	nguyen	8,7	58	70	
23	2124030099	Nguyễn Thiện Nhân	10/04/2006	CCQ2403C	819	Nhan	8,4	53	65	
24	2124030086	Nguyễn Văn Phẩm	29/04/2006	CCQ2403C	820	Pham	8,3	53	65	
25	2124030076	Trịnh Nguyễn Phát	17/06/2005	CCQ2403C	820	Phat	4,6	26	34	
26	2124040099	Đỗ Anh Phi	20/12/2006	CCQ2404C	819	Phi	3,6	37	37	
27	2124030130	Phan Thân Quốc Phong	17/09/2006	CCQ2403D	822	phong	5,0	68	61	
28	2124040081	Nguyễn Hữu Phúc	15/05/2006	CCQ2404C			0,0	CT	0,00	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

C. Hương

Nguyễn Kim Ngân

Muon

Nguyễn Thị Huyền

Trần Thị Anh

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410332)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 29..

Số bài thi:29..

Số tờ giấy thi: 29..

Lê Thị Thanh Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124030079	Nguyễn Văn Phụng	29/01/2006	CCQ2403C	820		7,5	36	52	
30	2124040086	Nguyễn Đại Quan	14/04/2006	CCQ2404C			0,0	0	0,00	
31	2124030077	Trần Minh Quân	09/10/2006	CCQ2403C	821		9,0	62	7,3	
32	2124030096	K. Quyển	18/06/2006	CCQ2403C			0,0	0	0,00	
33	2124030119	Nguyễn Ngọc Sanh	27/05/2006	CCQ2403D	819	Sanh	7,0	54	60	
34	2124030073	Hồ Minh Sin	27/07/2005	CCQ2403C	822	Sin	8,7	64	73	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A:26
H:04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410333)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124170048	Trần Linh An	03/09/2006	CCQ2417B	822	An	8,4	2,7	5,0	
2	2123030163	Trần Văn An	20/08/2005	CCQ2303E			0,0			
3	2122100188	Hứa Thị Kim Anh	15/04/2004	CCQ2210F	820	A	6,3	4,8	5,4	
4	2124170318	Nguyễn Lê Đức Anh	08/11/2005	CCQ2417H			0,0			
5	2124170088	Nguyễn Thanh Dương Anh	10/09/2005	CCQ2417C	821	anh	6,0	3,3	4,4	
6	2124170315	Đinh Ngọc Bảo	25/07/2006	CCQ2417I	819	Bao	9,5	6,8	7,9	
7	2124170097	Nguyễn Quốc Bảo	01/06/2006	CCQ2417C	820	Bao	8,0	3,9	5,5	
8	2124170073	Trần Nguyễn Trang Bìn	15/08/2006	CCQ2417C	820	Binh	8,6	4,9	6,4	
9	2124170074	Nguyễn Thanh Bình	12/02/2006	CCQ2417C	821	Binh	7,2	5,0	5,9	
10	2123140012	Võ Nguyên Bôn	11/06/2005	CCQ2314A	822	Bon	9,0	4,5	6,3	
11	2124170141	Trần Trương Trung Chính	19/02/2006	CCQ2417D	819	Chinh	7,5	3,4	5,0	
12	2123170494	Nguyễn Đình Đăng	22/07/2005	CCQ2317N	820	Da	7,9	4,9	6,1	
13	2124170042	Bùi Nhựt Đăng	07/07/2006	CCQ2417B	819	Day	7,0	4,8	5,7	
14	2124170094	Nguyễn Hải Đăng	20/02/2006	CCQ2417C	821	hany	7,0	3,3	4,8	
15	2124170043	Huỳnh Tiến Đạt	29/06/2006	CCQ2417B	821	Dat	8,4	6,2	7,1	
16	2124170084	Phan Hồ Diệp	16/04/2006	CCQ2417C	822	Diap	9,1	4,1	6,1	
17	2124170086	Nguyễn Văn Đồng	21/04/2006	CCQ2417C	819	Dong	9,2	6,4	7,5	
18	2124170039	Trần Gia Đức	15/01/2006	CCQ2417B	820	huy	8,2	5,7	6,7	
19	2124030206	Trần Thiên Đức	02/12/2006	CCQ2403F			0,0			
20	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	822	Dung	7,1	3,0	4,6	
21	2124030211	Nguyễn Thanh Giàu	17/12/2006	CCQ2403F	819	Giàu	8,0	5,0	6,2	
22	2123120141	Đào Thị Ngọc Hà	27/12/2005	CCQ2312C	819	lap ha	9,2	5,6	7,0	
23	2123170493	Nguyễn Lê Thanh Hải	09/01/2005	CCQ2317N	820	Hai	7,2	5,1	5,9	
24	2124170104	Nguyễn Minh Hiếu	25/06/2005	CCQ2417C	821	Hieu	1,5	2,0	1,8	
25	2124170085	Phạm Văn Hiếu	21/04/2006	CCQ2417C	822	Hieu	9,6	4,0	6,2	
26	2124170089	Nguyễn Công Hiệu	13/10/2006	CCQ2417C	819	Hieu	9,3	5,2	6,8	
27	2123170484	Đỗ Khánh Hoà	26/09/2005	CCQ2317N	820	Hoa	7,3	3,9	5,3	
28	2124170314	Lê Thanh Hòa	26/06/2005	CCQ2417I			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410333)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 30..

Số bài thi: ...20...

Số tờ giấy thi: 30...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124170052	Lê Thanh Hoài	03/01/2006	CCQ2417B	821	Hoài	8,5	4,0	5,8	
30	2124030209	Nguyễn Tiến Hùng	04/11/2006	CCQ2403F	822	Hùng	8,7	3,8	5,8	
31	2123170648	Quảng Quang Hữu	03/08/2005	CCQ2314A	819	Huy	8,8	5,6	6,9	
32	2124170038	Châu Gia Huy	03/10/2006	CCQ2417B	820	Huy	6,4	5,5	5,9	
33	2124030186	Đỗ Phước Huy	12/08/2006	CCQ2403F	821	Huy	9,6	8,1	8,7	
34	2124030181	Nguyễn Hoàng Huy	21/09/2006	CCQ2403F	822	Huy	8,6	4,7	6,3	
35	2124170298	Vũ Quang Huy	19/05/2002	CCQ2417I			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410317)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Đ: 29
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 29...

Số bài thi: 29...

Số tờ giấy thi: 29...

T. Manh

Phường Thị Lệ

Phan Văn Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124210001	Dương Ái	Ái	11/09/2005	CCQ2421A	820	Ái	8,3	4,8	6,2
2	2124210110	Hoàng Kỳ	Anh	24/04/2005	CCQ2421D	819	Anh	8,5	5,5	6,7
3	2124210132	Khuất Đăng	Anh	22/06/2004	CCQ2421D	822	An	8,4	6,6	7,3
4	2124210048	Đỗ Thị Lệ	Cầm	09/05/2006	CCQ2421B	820	Cam	7,8	4,8	6,0
5	2124210052	Võ Thị Kim	Cương	14/05/2006	CCQ2421B	821	Cu	7,6	4,5	5,7
6	2124210111	Nguyễn Tiến	Đạt	13/03/2003	CCQ2421D			0,0		
7	2123120351	Trần Tiến	Đạt	04/06/2005	CCQ2312G	820	Đạt	7,3	4,7	5,7
8	2124210046	Dương Thị Bích	Diễm	26/01/2005	CCQ2421B	821	Di	9,7	5,6	7,2
9	2124210130	Lê Nguyễn Anh	Đợi	24/08/2005	CCQ2421D			2,7		
10	2124210135	Trần Nguyên	Đức	08/11/2006	CCQ2421D			6,4		
11	2124210004	Mã Thúy	Duy	03/07/2005	CCQ2421A	822	Duy	8,6	4,7	6,3
12	2124210118	Đào Thị Ngọc	Giang	26/08/2006	CCQ2421D	819	Giang	5,5	5,8	5,7
13	2124210127	Huỳnh Ngọc Trường	Giang	05/03/2006	CCQ2421D	820		7,5	5,1	6,1
14	2124210129	Võ Nguyễn	Giáp	01/09/2006	CCQ2421D			0,0		
15	2124210136	Nguyễn Xuân	Hải	10/11/2006	CCQ2421D			0,0		
16	2124210026	Võ Thị Ngọc	Hân	15/01/2006	CCQ2421A	820	ngân	9,6	7,2	8,2
17	2124210137	Nguyễn Thị Thuý	Hạnh	08/07/2006	CCQ2421D	819	Hanh	6,9	6,0	6,4
18	2124210065	Nguyễn Đức	Hậu	01/01/2006	CCQ2421B	822	Hau	8,6	3,5	5,5
19	2124210126	Lê Trung	Hiếu	19/02/2005	CCQ2421D	821	hi	6,7	7,1	6,9
20	2124210055	Trương Minh	Hùng	06/05/2006	CCQ2421B	822	h	8,1	5,1	6,3
21	2124210027	Lê Công	Huy	05/03/2006	CCQ2421A	819	Huy	8,0	6,1	6,9
22	2124210044	Lê Thị Thanh	Huyền	30/04/2006	CCQ2421B	820	Huyen	8,8	5,8	7,0
23	2124210006	Huỳnh Văn	Kiệt	14/04/2006	CCQ2421A	821	ki	6,3	4,1	5,0
24	2124210106	Phan Trần Vĩnh	Lâm	09/05/2006	CCQ2421D	821	lam	7,7	5,2	6,2
25	2124210017	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	28/08/2006	CCQ2421A	829		8,8	6,0	7,1
26	2124210061	Trần Ngọc Yến	Linh	18/08/2005	CCQ2421B	820	yn	7,8	5,1	6,2
27	2124210064	Trương Thị Thu	Linh	23/11/2006	CCQ2421B	819	T. linh	8,4	4,5	6,1
28	2124210024	Triệu Tiểu	Long	15/03/2006	CCQ2421A	820	Long	8,2	5,4	6,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410317)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124210058	Nguyễn Thị Cẩm Ly	21/02/2006	CCQ2421B	821	Ly	8,5	6,5	7,3	
30	2124210015	Nguyễn Ngọc Kiều My	30/03/2005	CCQ2421A			0,0			
31	2124210036	Dương Thị Tuyết Ngân	08/10/2006	CCQ2421B	822	Ngân	7,3	5,2	6,0	
32	2124210067	Huỳnh Thanh Ngân	23/07/2005	CCQ2421B	819	Ngân	7,3	5,6	6,3	
33	2124210018	Trần Thanh Ngân	27/10/2006	CCQ2421A	820	Ngân	8,0	7,7	7,8	
34	2124210068	Võ Thị Thanh Ngân	23/05/2006	CCQ2421B	819	Ngân	8,4	5,1	6,4	
35	2124210033	Phan Ngọc Tuyết Nghi	05/10/2006	CCQ2421A	822	Nghi	8,1	5,8	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 32
Rico

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Ưu
Bùi Thị Huệ NT Bùi Ngọc
Phạm Văn Mạnh
C. H. H.
Phạm Văn Mạnh
Phạm Văn Mạnh

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410318)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 32..

Số bài thi: 32.....

Số tờ giấy thi: 32..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124210071	Chiều Thị Hương	Lan	11/04/2006	CCQ2421C	821 lan	7,8	5,6	6,5	
2	2124210100	Phan Thùy	Lê	17/08/2006	CCQ2421C	820 Lê	8,8	6,1	7,2	
3	2124210088	Hồ Thị Trúc	Linh	26/08/2006	CCQ2421C	819 Linh	9,0	7,0	7,8	
4	2124230006	Nguyễn Thành	Lộc	15/02/2006	CCQ2423A	822 Lộc	7,4	6,4	6,8	
5	2124210089	Phạm Quang	Minh	09/10/2006	CCQ2421C	821 Minh	7,0	5,8	6,3	
6	2124230014	Lê Thị Trà	My	25/02/2006	CCQ2423A	820 My	8,0	7,2	7,5	
7	2124210079	Nguyễn Thị Cẩm	Ngân	29/09/2006	CCQ2421C	819 Ngân	8,0	6,9	7,3	
8	2124230012	Trần Phạm Khánh	Nguyễn	11/09/2006	CCQ2423A	822 Nguyễn	8,6	7,1	7,7	
9	2124220025	Huỳnh Quang	Nhật	22/04/2004	CCQ2422A	813 Nhật	8,0	8,0	8,0	
10	2124230016	Phạm Văn	Nhật	14/12/2006	CCQ2423A		7,2			
11	2124230018	Võ Minh	Nhật	19/10/2006	CCQ2423A	821 Nhật	6,5	5,2	5,7	
12	2120050052	Son	Nhi	22/11/2002	CCQ2005B		3,0			
13	2124210092	Thạch Cảnh Hoàng	Như	15/08/2005	CCQ2421C	819 Như	6,5	6,1	6,3	
14	2124220018	Lê Thanh	Phúc	22/08/2006	CCQ2422A	820 Phúc	9,5	8,2	8,7	
15	2124230007	Trương Trường	Phúc	21/10/2006	CCQ2423A	819 Trường	9,0	6,1	7,3	
16	2124210169	Phạm Thanh	Phước	13/02/2006	CCQ2421C	821 Phước	7,0	5,8	6,3	
17	2124220027	Phan Huy	Quốc	17/12/2006	CCQ2422A	822 Quốc	8,6	7,5	7,9	
18	2124210103	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/04/2006	CCQ2421C	103 Như	8,0	6,6	7,2	
19	2122030184	Huỳnh Văn Nguyễn	Sách	02/05/2004	CCQ2203F	819 Sách	6,5	5,6	6,0	
20	2124210074	Lê Ngọc	Sang	28/03/2006	CCQ2421C	822 Sang	7,9	6,3	6,9	
21	2124230008	Nguyễn Thanh	Sang	15/09/2006	CCQ2423A	821 Sang	6,5	5,3	5,8	
22	2124220003	Phạm Thành	Sang	07/05/2006	CCQ2422A	820 Thành	7,2	5,1	5,9	
23	2124230010	Võ Thanh	Tấn	01/09/2006	CCQ2423A	821 Tấn	8,0	4,6	6,0	
24	2124220024	Nguyễn Ngọc	Thạch	10/07/2006	CCQ2422A	822 Thạch	9,4	6,5	7,7	
25	2124220010	Đinh Quốc	Thái	11/11/2006	CCQ2422A	819 Thái	7,7	5,8	6,6	
26	2122260018	Huỳnh Văn	Thị	11/10/2004	CCQ2226A	820 Thị	7,0	5,3	6,0	
27	2123120705	Hoàng Văn	Thiên	16/01/2004	CCQ2312L	821 Thiên	7,0	5,3	6,0	
28	2124230002	Thái Trường	Thịnh	10/12/2006	CCQ2423A	822 Thịnh	7,7	6,2	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410318)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 32..

Số bài thi: 32.....

Số tờ giấy thi: 32...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124230019	Võ Xuân Tiến	17/02/2006	CCQ2423A	821	82	7,8	7,1	7,4	
30	2124220033	Nguyễn Quốc Toàn	02/06/2006	CCQ2422A	820	100%	6,3	4,4	5,2	
31	2122030259	Nguyễn Cao Trí	24/05/2003	CCQ2203H	819	60	7,5	6,9	6,8	
32	2124230023	Lê Anh Trọng	10/09/2005	CCQ2423A	822	80	7,2	5,0	5,9	
33	2124230038	Huỳnh Phạm Nhật Tú	26/12/2006	CCQ2423A			0,0	0		
34	2124230032	Trần Bá Tuấn	21/11/2004	CCQ2423A	820	Tuấn	6,0	7,0	6,6	
35	2124220037	Nguyễn Thị Tuyết Vy	22/10/2006	CCQ2422A	819	80	7,0	6,8	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

A: 28
H: 4

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

T. Mạnh

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410317)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 32.

Số bài thi:32...

Số tờ giấy thi: 32.

Hà Kim Phúc
Lê Phan
Thủy Tiên
Phạm Văn Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124210062	Nguyễn Anh	Nha	15/01/2006	CCQ2421B		0,0			
2	2124210054	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	07/01/2006	CCQ2421B	821 Nhi	8,4	3,9	5,7	
3	2124210031	Hồ Huỳnh Tâm	Như	20/07/2006	CCQ2421A	820 Như	8,6	3,3	5,4	
4	2124210008	Kiều	Niza	15/07/2006	CCQ2421A	819 Kiều	9,5	4,8	6,7	
5	2124210023	Hồ Thị Kim	Oanh	06/03/2006	CCQ2421A	822 Oanh	9,6	7,2	8,2	
6	2124210020	Nguyễn Diễm	Phúc	22/10/2006	CCQ2421A	821 Phúc	7,9	5,0	6,2	
7	2124210070	Lê Tấn	Quý	10/06/2006	CCQ2421B	820 Quý	6,9	4,0	5,2	
8	2124210053	Nguyễn Phú	Quý	03/09/2006	CCQ2421B	821 Quý	7,2	3,9	5,2	
9	2124210066	Tạ Thị Đỗ	Quyên	05/11/2006	CCQ2421B	822 Quyên	7,3	4,1	5,4	
10	2124210021	Đoàn Minh	Sang	09/07/2006	CCQ2421A		0,0			
11	2124210134	Nguyễn Đức	Tấn	06/10/2006	CCQ2421D	820 Tấn	9,0	6,6	7,6	
12	2124210059	Nguyễn Thanh	Thanh	05/05/2006	CCQ2421B	821 Thanh	6,8	3,5	4,8	
13	2124210010	Hồ Xuân	Thi	08/09/2006	CCQ2421A	822 Thi	6,4	5,5	5,9	
14	2124210051	Lê Thanh	Thi	29/04/2006	CCQ2421B	819 Thi	7,5	5,3	5,0	
15	2124210038	Nguyễn Công Ngọc	Thi	06/02/2006	CCQ2421B	820 Thi	7,3	4,6	5,7	
16	2124210003	Trịnh Phúc	Thiện	01/10/2000	CCQ2421A	819 Thiện	7,2	7,3	7,3	
17	2124210029	Đặng Gia	Thịnh	25/09/2006	CCQ2421A	822 Thịnh	8,1	7,9	8,0	
18	2124210166	Nguyễn Xuân	Thịnh	23/11/2005	CCQ2421D		0,0			
19	2124210039	Nguyễn Thị Lệ	Thu	23/09/2006	CCQ2421B	820 Thu	6,8	2,5	4,2	
20	2124210124	Bùi Anh	Thư	12/06/2006	CCQ2421D	819 Thư	8,6	5,7	6,9	
21	2124210056	Phạm Thị Anh	Thư	25/10/2006	CCQ2421B	822 Thư	7,2	4,8	5,8	
22	2124210013	Trương Thị Thu	Thủy	22/07/2006	CCQ2421A	819 Thủy	7,8	6,3	6,9	
23	2124210022	Võ Thị Thuý	Tiền	16/11/2006	CCQ2421A	820 Tiền	8,1	6,2	7,0	
24	2123120401	Trần Ái	Tĩnh	14/12/2005	CCQ2312G	821 Tĩnh	6,9	6,2	6,5	
25	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G	822 Trang	7,0	3,7	5,0	
26	2124210049	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/12/2006	CCQ2421B	819 Trang	8,2	3,8	5,6	
27	2124210050	Phan Huyền	Trang	01/12/2006	CCQ2421B	820 Trang	7,2	3,0	4,7	
28	2124210063	Vũ Minh	Triệu	17/04/2006	CCQ2421B	821 Triệu	5,3	4,4	4,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410317)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 32

Số bài thi:32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124210011	Cao Thị Tú	Trình	26/03/2006	CCQ2421A	822		8,4	4,3	5,9	
30	2124210047	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	18/09/2006	CCQ2421B	821	Trúc	8,1	4,3	5,8	
31	2124210042	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	20/07/2006	CCQ2421B	820		8,9	5,2	6,7	
32	2124210007	Trương Hoàng Kim	Tuyền	09/12/2006	CCQ2421A	819		9,2	6,7	7,7	
33	2124210041	Trương Quang	Vinh	13/04/2006	CCQ2421B	822		8,8	7,8	7,9	
34	2124210045	Huỳnh Thị Thúy	Vy	28/02/2006	CCQ2421B	821		7,5	6,9	7,1	
35	2124210002	Lại Nguyễn Nhật	Vy	02/04/2006	CCQ2421A	820		6,6	7,2	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 26
H: 06

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410315)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A404

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

C. Châu
Nguyễn Ngọc Châu
Nguyễn Thanh Thủy
Nguyễn Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170590	Nguyễn Văn Lợi	20/01/2004	CCQ22170	822	Lợi	5,3	5,1	5,2	
2	2124180122	Phan Văn Lợi	21/02/2005	CCQ2418B	820	Lợi	7,9	2,5	4,7	
3	2124180116	Huỳnh Lữ Hoàng	07/12/2006	CCQ2418C	821	Lữ	6,5	2,5	4,1	
4	2124180017	Trần Nguyễn Hoàng	03/06/2006	CCQ2418A	822	Hoàng	5,6	4,6	5,0	
5	2124180043	Nguyễn Trần Minh	23/09/2006	CCQ2418B	821	Minh	6,4	4,0	5,0	
6	2124180120	Đặng Dung Hoài	12/01/2006	CCQ2418A	820	Hoài	8,3	5,0	6,3	
7	2123110388	Nguyễn Võ Duy	01/01/2005	CCQ2311K	819	Duy	6,8	4,6	5,5	
8	2124180103	Trần Đại Hạo	02/07/2005	CCQ2418C	820	Hạo	7,0	4,5	5,5	
9	2124180123	Trịnh Duy	14/12/2004	CCQ2418C	819	Duy	6,8	6,5	6,6	
10	2124180078	Đồng Hữu	26/07/2006	CCQ2418C	819	Hữu	7,4	5,0	6,0	
11	2124180049	Nguyễn Hoàng	12/04/2006	CCQ2418B	822	Hoàng	6,4	5,2	5,7	
12	2123120413	Hoàng Thị Yến	11/11/2005	CCQ2312H	821	Yến	9,7	5,0	6,9	
13	2124180111	Võ Huỳnh Thịnh	13/07/2006	CCQ2418C	820	Thịnh	3,7	4,9	4,4	
14	2124180021	Phan Sĩ	03/08/2006	CCQ2418A	820	Sĩ	6,9	5,4	6,0	
15	2124180058	Cao Nguyễn Hoàng	21/01/2006	CCQ2418B	819	Hoàng	6,3	4,7	5,3	
16	2124180112	Nguyễn Ngọc	22/08/2006	CCQ2418C	821	Ngọc	4,0	3,6	3,8	
17	2124180019	Nguyễn Văn	23/07/2006	CCQ2418A	822	Văn	6,2	4,2	5,0	
18	2124180085	Đỗ Văn	21/03/2006	CCQ2418C	821	Văn	5,5	2,2	3,5	
19	2124180105	Văn Công	20/05/2005	CCQ2418C	820	Công	8,4	4,8	6,2	
20	2123170165	Nguyễn Công	27/09/2005	CCQ2317E	819	Công	5,9	4,4	5,0	
21	2124180008	Nguyễn Trường	09/05/2006	CCQ2418A	822	Trường	8,7	6,6	7,4	
22	2122200044	Hồ Thị Phước	22/09/2004	CCQ2220B	821	Phước	9,4	5,4	7,0	
23	2124180062	Trần Quốc	06/07/2004	CCQ2418B	820	Quốc	9,5	7,3	8,2	
24	2124180055	Trần Văn	21/06/2006	CCQ2418B	819	Văn	6,4	3,4	4,6	
25	2124180014	Mai Trung	02/03/2006	CCQ2418A	821	Trung	9,1	6,8	7,7	
26	2124180006	Dương Công	03/02/2005	CCQ2418A	822	Công	8,1	4,6	6,0	
27	2123120410	Vi Thị Thuý	25/12/2005	CCQ2312H	819	Thuý	9,0	5,6	7,0	
28	2124180066	Nguyễn Ngọc Minh	30/08/2006	CCQ2418B		Minh	0,0	CT		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Gi. Viên chấm thi 1

Gi. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410315)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A404

Số SV có mặt: 32...

Số bài thi:2...

Số tờ giấy thi: 32

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trọng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124180061	Tạ Minh	Trọng	14/09/2006	CCQ2418B	821	Trọng	8,8	4,8	6,4	
30	2124180020	Đoàn Nhật	Trưởng	16/04/2006	CCQ2418A	822	Đoàn Nhật	7,9	5,0	6,2	
31	2124180016	Phạm Thanh	Tú	20/07/2006	CCQ2418A	819	Phạm Thanh	8,1	6,6	7,2	
32	2124180025	Nguyễn Ngọc	Tuy	30/09/2006	CCQ2418A	820	Tuy	5,0	5,2	5,1	
33	2124180064	Võ Văn	Việt	10/02/2006	CCQ2418B	821	Võ Văn	7,5	4,3	5,6	
34	2124180059	Nguyễn Quốc	Vinh	20/02/2006	CCQ2418B			0,0	CT		
35	2124180102	Nông Văn	Vinh	23/02/2005	CCQ2418B			0,0	CT		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H15
Đ122

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410306)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Thầy Văn Dũng
H.T. Hạc
Nguyễn Thanh Loan
Đ. Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khoa	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124310046	Phạm Đăng	Khoa	07/08/2006	CCQ2431B	822	Khoa	6,6	2,8	4,3	
2	2124340008	Trần Minh Đăng	Khoa	09/06/2006	CCQ2434A	819	us	9,6	4,6	6,6	
3	2124340031	Hồ	Kiệt	06/11/2006	CCQ2434A	820	Kiet	8,3	4,9	6,3	
4	2124110300	Kiều Châu	Kiệt	19/09/2006	CCQ2411I	821	lar	6,5	4,7	5,4	
5	2124340015	Phạm Tuấn	Kiệt	10/11/2006	CCQ2434A	822	Kiet	9,3	3,5	5,8	
6	2124110320	Thạch Hoàng	Long	15/04/2006	CCQ2411I	821	lar	0,8			
7	2124110303	Nông Thế	Minh	25/09/2006	CCQ2411I			0,0			
8	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	CCQ2321A	821	us	8,1	3,7	5,5	
9	2122260071	Nguyễn Võ Kiều	My	22/07/2004	CCQ2226C	822	my	9,5	4,0	6,2	
10	2124110311	Nguyễn Hậu	Nghệ	07/08/2006	CCQ2411I	819	Nghệ	8,8	3,9	5,9	
11	2121110379	Lê Thị Phương	Nghị	14/06/2003	CCQ2111C	820	nglin	9,0	4,5	6,3	
12	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	CCQ2321A	821	Oal	7,2	5,5	6,2	
13	2124110042	Lê Trọng	Phúc	15/09/2006	CCQ2411B	822	Suc	9,4	4,9	6,7	
14	2124110338	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2411I						
15	2124110046	Lê Văn	Quân	18/10/2006	CCQ2411B	820	Q	4,5	3,8	4,1	
16	2124110048	Nguyễn Minh	Quân	23/01/2006	CCQ2411B	819	Q	1,5	4,6	3,4	
17	2124110067	Lê Nguyễn Nhật	Quang	17/05/2006	CCQ2411B	822	Quang	9,1	5,3	6,8	
18	2124110166	Võ Minh	Quang	23/07/2006	CCQ2411E	819	Quang	9,7	4,5	6,6	
19	2124110022	Lê Hữu Khánh	Quảng	23/07/2006	CCQ2411A	820	Quang	6,4	5,9	6,1	
20	2124110186	Phan Minh	SI	18/08/2006	CCQ2411F	821	Phu	5,5	4,5	4,9	
21	2124110312	Nguyễn Thành	Tài	13/10/2005	CCQ2411I			0,0			
22	2124110030	Kiều Minh	Tâm	11/05/2006	CCQ2411A	819	Tam	5,1	6,0	5,6	
23	2124110333	Nguyễn Tiến	Thành	07/05/2003	CCQ2411F			0,0			
24	2124110331	Nguyễn Thanh	Tiến	24/03/2006	CCQ2411A			0,0			
25	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	CCQ2321B	822	Trang	8,3	5,7	6,7	
26	2124110341	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/08/2005	CCQ2411I	819	Trang				
27	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	13/12/2005	CCQ2321A	820	Truc	8,0	6,7	7,2	
28	2124110328	Nông Đặng Quốc	Trung	05/10/2006	CCQ2411B	821	Trung	9,3	3,5	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410306)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123120671	Hồ Minh Tuấn	20/12/2002	CCQ2312K	822		9,2	8,6	8,8	
30	2124120294	Nguyễn Văn Anh	01/10/2006	CCQ2412G	819		3,1	2,4	2,7	
31	2124110314	Tô Minh Tường	16/03/2005	CCQ2411F	820		8,4	7,7	8,0	
32	2124110165	Trần Minh Tuyên	19/05/2006	CCQ2411E			0,0			
33	2124110209	Lê Thanh Việt	19/06/2006	CCQ2411F	822		7,1	5,7	6,3	
34	2123030118	Phạm Quốc Việt	04/02/2005	CCQ2303D	819		7,8	5,4	6,4	
35	2124110335	Võ Phi Yến	02/08/2006	CCQ2411I	820		7,8	6,0	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

H: 07
Đ: 21

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410311)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: ...28

Số tờ giấy thi: 28

C. Lê Thảo
Trần Thị Lê Hương
Lê Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124150082	Nguyễn Anh	Quá	14/01/2005	CCQ2415C	819	Quá	7,1	4,2	5,4
2	2124140054	Phạm Thế	Quân	17/04/2006	CCQ2414B			0,0		
3	2124140071	Lục Vinh	Quang	24/04/2006	CCQ2414B	821	Quang	7,2	3,5	5,0
4	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B	822	Sang	7,8	5,2	6,2
5	2124150095	Đinh Văn	Sơn	09/02/2006	CCQ2415C			0,0		
6	2124140027	Nguyễn Thanh	Sỹ	07/11/2006	CCQ2414A	820	Sỹ	8,6	4,0	5,8
7	2124140021	Ca Toàn	Thái	08/01/2006	CCQ2414A	821	Thái	6,5	5,1	5,7
8	2124140064	Lê Bá	Thành	12/03/2006	CCQ2414B	820	Thành	7,1	2,6	4,4
9	2124150072	Nguyễn Thuận	Thiên	30/05/2005	CCQ2415C	819	Thiên	8,3	5,4	6,6
10	2124320144	Lê Thị Anh	Thư	30/09/2006	CCQ2432D	822	Thư	9,2	6,5	7,6
11	2124320085	Trần Lê Anh	Thư	25/09/2004	CCQ2432C					
12	2124260097	Lê Huỳnh Minh	Thuận	20/11/2006	CCQ2426C	820	Minh	8,7	5,7	6,9
13	2124260150	Lê Thị	Thùy	01/01/2006	CCQ2426D	819	Thùy	3,9	3,0	3,4
14	2124260120	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	22/04/2006	CCQ2426D	822	Phuong	10,0	6,8	8,1
15	2124260123	Nguyễn Thị Kim	Thùy	27/11/2006	CCQ2426D	821	Thuy	8,1	6,2	7,0
16	2124140034	Nguyễn Mạnh	Tiến	01/10/2006	CCQ2414A	822	Tien	8,8	4,6	6,3
17	2124140069	Nguyễn Viết	Tiến	24/10/2006	CCQ2414B	819	Viết	6,3	2,2	3,8
18	2124300021	Nguyễn Trọng	Toàn	20/10/2006	CCQ2430A	820	Tron	7,9	6,1	6,8
19	2124260115	Trần Nguyễn Huy	Toàn	29/12/2006	CCQ2426C	821	Huy	7,1	4,3	5,4
20	2124320088	Trần Ngọc Bích	Trâm	23/01/2006	CCQ2432C	822	Tram	10,0	7,2	8,3
21	2124260088	Nguyễn Quyền	Trân	12/06/2006	CCQ2426C	819	Tran	8,5	4,3	6,0
22	2124260098	Trần Duy	Triều	03/03/2003	CCQ2426C			0,0		
23	2124260075	Huỳnh Nguyễn Nhật	Trình	16/10/2006	CCQ2426C	821	Nhat	3,5	4,2	3,9
24	2124140012	Trần Văn	Trường	20/10/2006	CCQ2414A	820	Truong	5,8	5,3	5,5
25	2123140061	Lưu Đỗ Tấn	Tú	30/07/2005	CCQ2314B			0,0		
26	2124300004	Trần Anh	Tuấn	29/07/2006	CCQ2430A	822	Tuan	8,0	6,1	6,9
27	2124320101	Lê Quốc	Tùng	16/04/2006	CCQ2432C	821	Quoc	1,7	2,5	2,2
28	2124260135	Huỳnh Thị Kim	Tuyến	07/03/2005	CCQ2426D	820	Tuyen	7,7	4,8	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410311)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 2.8..

Số bài thi: ...2.8..

Số tờ giấy thi: 2.8.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124260161	Đinh Quốc	Việt	04/11/2004	CCQ2426E		0,0			
30	2124140017	Cao Võ Quang	Vinh	04/12/2006	CCQ2414A	820 Vinh	1,8	4,0	3,1	-
31	2124260093	Đoàn Văn Phú	Vinh	16/01/2003	CCQ2426C	821 Ph	7,5	8,5	8,1	
32	2124320146	Nguyễn Hữu Quang	Vinh	11/01/2006	CCQ2432D	822 Vinh	2,3	5,1	4,0	/
33	2124260163	Nguyễn Huy	Vũ	02/01/2006	CCQ2426D	819 H	8,2	3,6	5,4	
34	2124320095	Lê Thị Tường	Vy	22/02/2003	CCQ2432C		0,0			
35	2124140062	Nguyễn Văn	Ý	07/01/2006	CCQ2414B	821 H	5,0	3,7	4,2	/

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 16
H: 12

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410305)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: ... 28

Số tờ giấy thi: 28

Nguyễn Xuân
LuuPhạm Thị
ThaoNguyễn Ngọc
GiàuT. Tuấn
Nguyễn Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khoa	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110121	Nguyễn Đăng	Khoa	23/04/2006	CCQ2411D	820	Khóa	5,0	5,2	5,1	
2	2124110012	Nguyễn Minh	Khuong	10/09/2006	CCQ2411A	821	Khong	3,1	4,1	3,7	
3	2124110091	Nguyễn Lương	Kiệt	02/11/2006	CCQ2411C	822	Kiệt	6,9	3,4	4,8	
4	2124110155	Trần Minh	Kiệt	22/04/2005	CCQ2411E			0,0			
5	2124110132	Trần Thế	Kiệt	25/11/2006	CCQ2411D	820		7,1	5,4	6,1	
6	2124110064	Bạch Trung	Kiều	27/02/2006	CCQ2411B	821	Khao	6,8	3,1	4,6	
7	2124110148	Nguyễn Thành	Lâm	20/04/2006	CCQ2411E	822	Lam	5,2	3,4	4,1	
8	2124110134	Trần Hoàng	Lin	12/09/2006	CCQ2411D	821	lin	8,3	6,7	7,3	
9	2122030055	Nguyễn Văn	Lợi	06/01/2003	CCQ2203B	819		8,1	4,6	6,0	
10	2123120673	Đoàn Minh	Long	24/06/2005	CCQ2312L	822		5,3	3,3	4,1	
11	2124110204	Nguyễn Lê Trúc	Ly	14/12/2006	CCQ2411F	820	Truc	8,2	7,5	7,8	
12	2124110154	Huỳnh Hữu	Nghĩa	06/03/2006	CCQ2411E	821	Nghĩa	7,7	5,5	6,4	
13	2124110122	Nguyễn Duy	Nghĩa	17/01/2006	CCQ2411D	822	Nghĩa	5,1	3,0	3,8	
14	2124110279	Phạm Minh	Nghĩa	30/05/2006	CCQ2411H	821	Phạm Minh	3,2			
15	2124110319	Hán Minh	Nghiêm	07/02/2006	CCQ2411E	821	Thy	7,2	4,4	5,5	
16	2122120445	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	19/10/2004	CCQ2212M	819	My	6,1	3,7	4,7	
17	2124110179	Hoàng Hữu Nhật	Nguyên	17/11/2006	CCQ2411F	820	Nguyen	7,6	4,5	5,7	
18	2122170223	Lê Trần	Nguyên	30/12/2004	CCQ2217F			0,0			
19	2124110007	Ngô Đỗ Duy	Nguyên	16/10/2003	CCQ2411A			0,0			
20	2122170571	Đỗ Thanh	Nhà	14/10/2003	CCQ2217O			0,1			
21	2124110200	Đỗ Văn Thành	Nhân	27/08/2006	CCQ2411F	820	Nhan	7,0	5,0	5,8	
22	2124110275	Phạm Thành	Nhân	26/12/2006	CCQ2411H			0,2			
23	2124110164	Lại Trần Anh	Nhật	26/12/2006	CCQ2411E	820	Nhat	3,1	5,6	4,6	
24	2124110041	Phạm Công	Nhật	16/09/2006	CCQ2411B	819	Nhat	7,6	5,0	6,0	
25	2122200102	Phạm Ngọc Uyên	Nhi	21/06/2004	CCQ2220C	822	nhi	7,7	3,6	5,2	
26	2124110323	Nguyễn	Nhuong	01/11/2006	CCQ2411H	821		4,0	4,4	4,2	
27	2124110103	Đặng Vũ Thanh	Phát	27/08/2006	CCQ2411C	820	Phox	6,5	3,8	4,9	
28	2124110199	Nguyễn Đăng	Phát	10/08/2006	CCQ2411F	819	T Dai	6,5	4,3	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410305)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A501

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*
Cán bộ coi thi 2: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 1: *[Signature]*
G.Viên Chấm thi 2: *[Signature]*
Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110118	Phan Thanh	Phát	03/05/2006	CCQ2411D	822	Phát	7,2	4,4	5,5
30	2124110093	Nguyễn Đắc	Phong	23/12/2005	CCQ2411C	821	Phong	3,4	5,3	4,5
31	2124110017	Võ Văn	Phong	06/03/2006	CCQ2411A			0,9		
32	2124110069	Dương Lâm Hoài	Phúc	23/03/2006	CCQ2411B	819	Phúc	7,1	6,2	6,6
33	2122110011	Phạm Quốc	Tài	31/10/2004	CCQ2211A	822	Tài	8,9	4,4	6,2
34	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	821	Thế	5,0	4,5	4,7
35	2123190009	Nguyễn Lam	Trưởng	24/05/2005	CCQ2319A	820	Trưởng	5,9	6,1	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 03
Đ: 28

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi: ...31...

Số tờ giấy thi: 31..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124030034	Trần Quốc Lý	21/10/2006	CCQ2403A	821	<i>Ly</i>	8,6	3,4	5,5	
2	2124040057	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	30/09/2006	CCQ2404B	822	<i>Minh</i>	7,4	7,5	7,5	
3	2124030215	Vũ Phan Trọng Nghĩa	04/07/2006	CCQ2403E	819	<i>Nghĩa</i>	6,5	5,5	5,9	
4	2124040039	Nguyễn Thái Nguyên	20/08/2005	CCQ2404B			0,0			<i>Nặng</i>
5	2124140096	Vũ Hữu Nguyên	23/08/1998	CCQ2414C	821	<i>Nguyen</i>	8,1	6,0	6,8	
6	2124040018	Nguyễn Thiện Nhân	29/10/2006	CCQ2404A	822	<i>Thuan</i>	5,5	4,4	4,8	
7	2124030062	Phạm Thành Nhân	27/07/2006	CCQ2403B	819	<i>Thanh</i>	8,3	6,4	7,2	
8	2124030031	Nguyễn Hữu Nhật	20/03/2006	CCQ2403A	820	<i>Nhat</i>	7,9	4,0	5,6	
9	2124040041	Nguyễn Thành Nhật	05/03/2006	CCQ2404B	821	<i>Thanh</i>	5,0	4,7	4,8	
10	2124040058	Hồ Trần Phú	21/09/2006	CCQ2404B	822	<i>Phu</i>	7,9	5,9	6,7	
11	2124040035	Nguyễn Thanh Phúc	31/12/2006	CCQ2404A	819	<i>Phuc</i>	7,8	6,0	6,7	
12	2124030217	Trương Hoàng Phúc	04/02/2006	CCQ2403F			5,0			<i>Nặng</i>
13	2124030040	Mai Văn Phước	09/01/2006	CCQ2403B	821	<i>Phuoc</i>	7,8	4,2	5,6	
14	2124040025	Lê Minh Phương	27/01/2006	CCQ2404A	822	<i>Phuong</i>	7,7	5,8	6,6	
15	2124040027	Nguyễn Quân	07/04/2006	CCQ2404A	819	<i>Quân</i>	6,8	5,4	6,0	
16	2124030026	Nguyễn Bình Quân	25/07/2006	CCQ2403A	820	<i>Quân</i>	7,2	6,6	6,8	
17	2124030070	Trần Đăng Quang	01/05/2006	CCQ2403B	821	<i>Quang</i>	8,7	7,3	7,9	
18	2124040017	Phan Hàn Quốc	09/04/2006	CCQ2404A	822	<i>Quoc</i>	5,0	5,6	5,4	
19	2124040005	Trương Chí Quốc	13/05/2003	CCQ2404A	819	<i>Quoc</i>	8,7	5,6	6,8	
20	2124040036	Nguyễn Đình Quyết	18/12/2005	CCQ2404B	820	<i>Quyết</i>	8,6	6,2	7,2	
21	2124040004	Lê Huỳnh Thanh Sang	01/12/2006	CCQ2404A	821	<i>Sang</i>	8,2	5,7	6,7	
22	2124040069	Lê Đăng Sơn	28/10/2006	CCQ2404B	817	<i>Son</i>	6,2	4,9	5,4	
23	2124040034	Phạm Anh Tân	28/10/2005	CCQ2404A			0,0			<i>Nặng</i>
24	2124040107	Dương Đình Tấn	27/11/2006	CCQ2404A	820	<i>Tan</i>	7,9	6,3	6,9	
25	2124040023	Lê Đức Thơ	11/07/2005	CCQ2404A	821	<i>Tho</i>	7,5	4,3	5,6	
26	2124040029	Trần Gia Thoại	16/08/2006	CCQ2404A	820	<i>Thoai</i>	7,8	4,2	5,6	
27	2123040013	Nguyễn Văn Thông	10/09/2005	CCQ2304A	819	<i>Thong</i>	7,1	4,4	5,5	
28	2124040044	Nguyễn Ngọc Thương	10/02/2006	CCQ2404B	820	<i>Thue</i>	8,1	5,2	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi: ...31....

Số tờ giấy thi: 21...

C.Thảo
Nguyễn Thị Phụng
Nguyễn Thị Phương Linh
Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124040038	Lê Trần Tiến	02/01/2006	CCQ2404B	821	Tan	6,2	4,9	5,4	
30	2123050207	Nguyễn Phước Tiến	20/01/2002	CCQ2305E	822	Phuoc	5,2	3,9	4,4	
31	2123040020	Nguyễn Tiến Toàn	06/06/2005	CCQ2304A	819	Toan	7,8	6,9	7,3	
32	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B	820	Tri	6,1	5,4	5,7	
33	2124040062	Nguyễn Văn Vi	04/11/2006	CCQ2404B	821	Vi	7,7	4,9	6,0	
34	2124040031	Nguyễn Hoàng Việt	10/05/2006	CCQ2404A	822	Vi	7,7	5,6	6,4	
35	2124040070	Kiều Ngọc Ý	24/09/2006	CCQ2404B			5,0			

D: 32
K: 22

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Mai

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410310)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124290005	Hoàng Thị Mai	Anh	05/09/2006	CCQ2429A	820	8,1	5,2	6,4	
2	2124030239	Hồ Khắc	Bảo	03/03/2005	CCQ2403E		0,0	CT		R
3	2124130080	Đoàn Thị Trâm	Châu	01/02/1999	CCQ2413A		0,0	CT		R
4	2124130004	Lê Thị Minh	Châu	09/05/2006	CCQ2413A	821	9,9	4,8	6,8	
5	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CCQ2315B	820	10,0	4,4	6,6	
6	2124130009	Nguyễn Ngọc Anh	Đài	11/08/2006	CCQ2413A	819	9,8	5,1	7,0	
7	2124130044	Nguyễn Thị	Diệp	09/06/2006	CCQ2413B	822	10,0	6,4	7,8	
8	2124130052	Phạm Ngọc Thùy	Dương	23/03/2006	CCQ2413B	821	8,1	6,3	7,0	
9	2124130055	Huỳnh Thị Trúc	Giang	02/11/2006	CCQ2413B	820	9,9	5,6	7,3	
10	2124290022	Nguyễn Trà Trường	Giang	19/07/2005	CCQ2429A	819	6,0	6,8	6,5	
11	2124070018	Huỳnh Phạm Như	Hà	18/12/2006	CCQ2407A	822	9,1	5,8	7,1	
12	2124130008	Võ Thị Thu	Hà	02/02/2006	CCQ2413A	821	10,0	5,0	7,0	
13	2122030109	Trương Từ	Hải	29/09/2004	CCQ2203D	820	5,8	3,6	4,5	R
14	2124130065	Nguyễn Đỗ Gia	Hân	27/08/2006	CCQ2413B	819	10,0	6,6	8,0	
15	2124130038	Nguyễn Hồng	Hân	24/04/2006	CCQ2413B	822	9,7	4,2	6,4	
16	2124130076	Trần Hoàng Bảo	Hân	13/01/2006	CCQ2413A	821	10,0	6,5	7,9	
17	2124130079	Đặng Thị Thúy	Hằng	13/03/2006	CCQ2413A	820	10,0	4,4	6,6	
18	2124130033	Trương Thị Thúy	Hằng	30/11/2006	CCQ2413A	819	10,0	6,0	7,6	
19	2124070006	Nguyễn Bùi Thế	Hiền	05/05/2006	CCQ2407A	822	10,0	85,7	7,4	
20	2124070005	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	01/09/2006	CCQ2407A		6,8			
21	2124130043	Đào Duy	Khiêm	04/01/2004	CCQ2413B	820	9,7	6,2	7,6	
22	2123170316	Lê Anh	Khôi	22/10/2005	CCQ2317I	822	10,0	4,2	6,5	
23	2123170296	Nguyễn Hoàng	Khuong	26/05/2005	CCQ2317I	821	9,9	5,6	7,3	
24	2124130064	Đỗ Tuấn	Kiệt	02/05/2006	CCQ2413B	820	9,2	4,9	6,6	
25	2124130007	Hà Trúc	Lãnh	12/03/2006	CCQ2413A	819	10,0	5,7	7,4	
26	2124290008	Ngô Nguyễn Hà	Linh	05/11/2003	CCQ2429A	822	9,8	8,1	8,8	
27	2124130061	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/07/2006	CCQ2413B	821	10,0	9,0	9,4	
28	2124130049	Nguyễn Thị Kim	Lơ	20/02/2005	CCQ2413B	819	10,0	6,6	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Mai

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410310)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Đang Thanh Mai
Hong Thang Hoang

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124070019	Nguyễn Tấn Lộc	29/12/2004	CCQ2407A	822	Lộc	10,0	6,0	7,6	
30	2124070009	Đoàn Thị Tuyết	31/07/2006	CCQ2407A	821	Tuyết	10,0	3,7	6,2	
31	2124290014	Hoàng Cao Trúc	30/06/2006	CCQ2429A	820	Trúc	9,0	2,7	5,2	
32	2124130039	Huỳnh Thị Kiều	30/01/2006	CCQ2413B	819	Kiều	10,0	5,1	7,1	
33	2124110343	Hoàng Phan Quang	06/07/2006	CCQ2411I	822	Quang	5,5	3,4	4,2	K.
34	2124130057	Nguyễn Hà	18/09/2006	CCQ2413B	821	Hà	10,0	8,9	9,3	
35	2124290004	Văn Thị Ngọc	04/07/2006	CCQ2429A	820	Ngọc	8,1	6,7	7,3	
36	2124290007	Nguyễn Thị Ngọc	05/10/2006	CCQ2429A	819	Ngọc	8,6	6,1	7,1	
37	2124290010	Bùi Trương Bảo	10/02/2006	CCQ2429A	820	Bảo	9,5	3,4	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410324)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi:31..

Số tờ giấy thi: 31..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

T. Mạnh

22/11/24

22/11/24

22/11/24

22/11/24

Đảm Q. Châu

Đảm Q. Châu

Đảm Q. Châu

Đảm Q. Châu

Phường Anh Hò

Phường Anh Hò

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124350081	Lê Dương Duy	An	18/01/2006	CCQ2435C	822	7,6	5,5	6,3	
2	2124350116	Hồ Tuấn	Anh	15/05/2006	CCQ2435A	819	6,6	3,9	5,0	
3	2124350066	Trần Lê Quốc	Anh	31/03/2005	CCQ2435B	820	8,5	5,9	6,9	
4	2124350120	Võ Thế	Bảo	06/03/2006	CCQ2435B	821	6,8	4,3	5,3	
5	2124350062	Đỗ Nguyễn Khánh	Dân	10/02/2006	CCQ2435B	822	7,7	3,3	5,1	
6	2124350083	Trần Nguyễn Phương	Duy	04/09/2006	CCQ2435C	819	5,9	1,9	3,5	
7	2124350088	Võ Thanh	Duy	05/06/2006	CCQ2435C	820	8,2	5,9	6,8	
8	2124350078	Nguyễn Công	Giang	05/11/2006	CCQ2435B	821	9,7	5,4	7,1	
9	2124350069	Hương Phúc	Hải	04/07/2005	CCQ2435B		0,0			
10	2124350073	Tăng Thành	Hải	03/05/2006	CCQ2435B	819	6,4	3,7	4,8	
11	2124350039	Lê Đồng Khả	Hân	26/04/2006	CCQ2435A	820	6,4	5,3	5,7	
12	2124350041	Lê Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	CCQ2435A	821	8,2	6,9	7,4	
13	2124350020	Tổng Thị	Hằng	16/02/2006	CCQ2435A	822	7,7	4,2	5,6	
14	2124350108	Nguyễn Văn	Hào	05/10/2006	CCQ2435C	819	7,4	6,4	6,8	
15	2124350076	Võ Ngọc Thảo	Hiền	12/03/2006	CCQ2435B	820	8,8	6,4	7,4	
16	2124350103	Nguyễn Tấn	Hiền	18/11/2006	CCQ2435C	821	7,5	4,2	5,5	
17	2124350040	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	10/11/2006	CCQ2435A	822	8,7	5,7	6,9	
18	2124350014	Lăng Thanh	Hoá	29/09/2005	CCQ2435A	819	0,0	3,4	2,0	
19	2124350025	Hà Thị Mỹ	Hương	24/12/2006	CCQ2435A	820	7,4	3,8	5,2	
20	2124350036	Huỳnh Thị Thu	Hường	04/04/2006	CCQ2435A	821	6,6	5,4	5,9	
21	2124350102	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2435C		0,0			
22	2124350071	Huỳnh Duy	Kha	07/04/2006	CCQ2435B	819	6,9	5,0	5,8	
23	2124350044	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2006	CCQ2435A	820	5,3	2,8	3,8	
24	2124350074	Trần Quốc	Khánh	19/07/2006	CCQ2435B	821	6,9	4,2	5,3	
25	2124350027	Lê Anh	Kiệt	24/10/2006	CCQ2435A	822	8,8	4,3	6,1	
26	2124350031	Lê Tuấn	Kiệt	29/09/2005	CCQ2435A	819	7,9	4,2	5,7	
27	2124350100	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	06/10/2006	CCQ2435C		0,0			
28	2124350091	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	26/10/2006	CCQ2435C	821	8,9	7,8	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

T. Mạnh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410324)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124350057	Nguyễn Ngọc Bảo	Lam	20/11/2006	CCQ2435B	822	Lam	4,8	7,7	6,5
30	2124350077	Lưu Quyền	Linh	10/07/2006	CCQ2435B	819	Lưu	7,1	3,6	5,0
31	2124350106	Lê Nhật	Long	30/06/2004	CCQ2435C	820	Long	7,1	3,0	4,6
32	2124350061	Trần Tiến	Mạnh	18/06/2006	CCQ2435B	821	Mạnh	7,1	3,6	5,0
33	2124350101	Nguyễn Hoài Phương	Nam	02/09/2006	CCQ2435C	822	Phuong	5,7	4,5	5,0
34	2124350051	Trần Thị Thu	Ngân	31/10/2006	CCQ2435B	819	Thu	7,3	8,1	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

7.24
HIC7

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410326)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 31.

Số bài thi:31.

Số tờ giấy thi: 31.

T. Hoàng

Trần Văn Mẫn

Nguyễn Văn Châu

Đặng Thanh Mai

Hồng Thủy Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124360018	Tô Mẫn	Nghi	25/08/2004	CCQ2436A	819	Ngân	7,1	6,6	6,8
2	2124320115	Nguyễn Đoàn Hiếu	Nghĩa	15/04/2005	CCQ2432D	820	Nguyễn	5,4	4,3	4,7
3	2124100179	Vũ Đặng Ái	Nhi	05/03/2006	CCQ2410E	819	Nhi	5,6	4,9	5,2
4	2124100202	Đoàn Thị Bích	Phân	11/06/2006	CCQ2410F	820	Phân	8,9	7,6	8,1
5	2124260157	Phạm Văn Duy	Phong	12/03/2006	CCQ2426E	819	Phong	7,3	6,3	6,7
6	2124320094	Hồ Văn	Phúc	03/07/2006	CCQ2432C	820	Phúc	6,3	5,6	5,9
7	2124360019	Vũ Thị Mai	Phương	05/09/2006	CCQ2436A	819	Phương	7,6	5,7	6,5
8	2124100176	Đoàn Yến	Phượng	17/04/2006	CCQ2410E	820	Phượng	7,9	5,6	6,5
9	2124260173	Vũ Minh	Quân	26/02/2001	CCQ2426E					
10	2124100163	Lê Ngọc Duy	Quyên	17/01/2006	CCQ2410E	822	Quyên	5,9	4,3	4,9
11	2124100147	Lê Phương Ngọc	Quyên	04/08/2006	CCQ2410E	821	Quyên	6,3	5,9	6,1
12	2124260142	Phan Thị Ngọc	Sáng	03/06/2006	CCQ2426D			0,0		
13	2124300200	Huỳnh Tấn	Tài	30/09/2002	CCQ2430D	821	Tài	6,0	8,5	7,5
14	2124260126	Trần Hữu	Tài	13/03/2006	CCQ2426D	822	Tài	6,5	6,0	6,2
15	2124260092	Dương Thị Mỹ	Tâm	28/10/2006	CCQ2426C	821	Tâm	6,8	4,7	5,5
16	2124100197	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2006	CCQ2410F	821	Tân	6,0	3,9	4,7
17	2124100192	Nguyễn Thị Hà	Thanh	06/08/2006	CCQ2410F	822	Thanh	7,4	7,3	7,3
18	2124100207	Nguyễn Thị	Thảo	25/05/2006	CCQ2410F	821	Thảo	9,0	7,3	8,0
19	2124360021	Dương Ngọc Thủy	Thương	06/04/2006	CCQ2436A	821	Thương	7,5	6,7	7,0
20	2124100169	Hoàng Thị	Thương	15/02/2006	CCQ2410E	822	Thương	6,8	3,3	4,7
21	2124100195	Kiều Nữ Thủy	Tiên	10/10/2006	CCQ2410F	821	Tiên	7,4	5,9	6,5
22	2123200200	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	10/03/2005	CCQ2320C	822	Trần	6,1	4,2	5,0
23	2123200497	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2005	CCQ2320F	821	Trang	5,7	2,9	4,0
24	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	822	Trí	5,8	4,7	5,1
25	2124360026	Võ Đình	Trọng	13/10/2006	CCQ2436A	821	Trọng	5,7	2,8	4,0
26	2124100221	Nguyễn Thị Huỳnh	Trúc	23/10/2006	CCQ2410E	822	Trúc	7,0	6,1	6,5
27	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F	820	Uyên	7,5	5,3	6,2
28	2123200523	Huỳnh Văn	Viễn	07/02/2005	CCQ2320F	820	Viễn	5,7	3,4	4,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410326)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 31

T. Hoàng
L.M. Mian
Mai U. Chien
Đặng Thanh Mai
Hồng Thăng Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124310175	Đặng Duy Vũ	22/06/2005	CCQ2431E						
30	2124120051	Phạm Huy Vũ	07/12/2006	CCQ2412B	820	h	5,9	4,6	5,1	
31	2123040067	Tô Ngọc Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	819	h	6,8	4,1	5,2	
32	2124120033	Nguyễn Ngọc Tường Vy	04/08/2006	CCQ2412A	820	h	6,2	5,2	5,6	
33	2124100220	Trần Thị Thanh Vy	20/02/2004	CCQ2410F	819	h	9,3	7,3	8,1	
34	2124100182	Huỳnh Ngọc Như Ý	17/03/2006	CCQ2410F	819	h	5,8	4,6	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410326)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

7. Hoàng
Mai Hồng Thủy Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124100215	Đàng Lưu Anh	Băng	25/11/2005	CCQ2410F	822	6,1	3,2	4,4	
2	2124320134	Ngô Chí	Bảo	12/03/1997	CCQ2432D		0,0			
3	2124320126	Lê Văn	Cánh	08/11/2006	CCQ2432D	820	5,2	7,3	6,5	
4	2124320111	Hà Mạnh	Danh	20/10/2006	CCQ2432C	821	6,0	7,0	6,6	
5	2124320090	Hào Thanh	Danh	13/11/2006	CCQ2432C	822	7,3	5,7	6,3	
6	2124320107	Lưu Thị Thu	Diễm	04/07/2006	CCQ2432C	819	6,9	5,2	5,9	
7	2124320093	Lê Nguyễn Anh	Duy	20/03/2005	CCQ2432C	820	7,7	6,4	6,9	
8	2124320105	Trần Mỹ	Hạnh	29/08/2006	CCQ2432C	821	6,3	5,2	5,6	
9	2124320110	Bùi Thị Mỹ	Hào	19/03/2006	CCQ2432C	822	6,6	6,4	6,5	
10	2124320130	Bùi Vi	Hào	29/03/2000	CCQ2432C		0,0			
11	2124320122	Phan Nguyễn Công	Hậu	02/06/2006	CCQ2432D	820	5,3	6,9	6,3	
12	2124310174	Nguyễn Ngọc	Hung	12/10/1998	CCQ2431E		0,0			
13	2124260160	Đoàn Quốc	Huy	02/01/2006	CCQ2426E	822	6,8	5,8	6,2	
14	2124320132	Nguyễn Phạm Nhật	Huy	21/09/2005	CCQ2432D		0,0			
15	2124260152	Chế Phan Thanh	Huyền	31/10/2006	CCQ2426E		0,0			
16	2124100213	Trần Thị Trúc	Huỳnh	20/12/2006	CCQ2410F	821	6,0	3,8	4,7	
17	2124100162	Nguyễn Thị Kim	Khánh	18/10/2006	CCQ2410E	822	5,8	6,1	6,0	
18	2124320092	Nguyễn Anh	Khoa	16/08/2006	CCQ2432C	819	5,4	6,0	5,8	
19	2124320143	Võ Anh	Khoa	25/11/2005	CCQ2432D	820	5,4	5,4	5,4	
20	2124360028	Trương Thụy Phương	Linh	02/07/2006	CCQ2436A	821	7,9	7,2	7,5	
21	2124260172	Nguyễn Thành	Long	10/01/2004	CCQ2426E		0,0			
22	2124260167	Đặng Khánh	Ly	06/06/2003	CCQ2426E		0,0			
23	2124320118	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21/08/2006	CCQ2432D	820	5,8	6,2	6,0	
24	2124320081	Kiều Thị Tuyết	Mai	18/12/2006	CCQ2432C	821	7,0	6,8	6,9	
25	2124360025	Phan Thị Xuân	Mai	30/09/2006	CCQ2436A	822	6,7	7,0	6,9	
26	2124100158	Châu Thị Ngọc	Minh	13/07/2003	CCQ2410E	819	7,0	5,1	5,9	
27	2124320080	Nguyễn Công	Minh	06/08/2006	CCQ2432C	820	7,6	4,5	5,7	
28	2122100083	Nguyễn Hoàng Trà	My	29/04/2004	CCQ2210C	821	6,1	3,7	4,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

T. Hoàng
Trần Văn *Lưu* *Nguyễn T. T.* *Đặng Thanh Mai*
Hồng Thắng Hoàng

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410326)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124260159	Trần Hà Khánh	My	24/07/2006	CCQ2426E	819	<i>B</i>	6,0	5,0	5,4
30	2124320140	Hồ Nhật	Nam	29/10/2005	CCQ2432D			0,0		
31	2124320120	Nguyễn Lê Nhật	Nam	01/04/2006	CCQ2432D	819	<i>Nam</i>	6,0	5,5	5,7
32	2124360020	Đặng Huỳnh Ngọc	Ngân	27/10/2006	CCQ2436A	821	<i>N. Ngân</i>	5,8	5,5	5,6
33	2124320114	Võ Tú	Ngân	17/02/2006	CCQ2432D	822	<i>Ngân</i>	7,3	6,5	6,8
34	2124320098	Phan Ngọc Phương	Nghi	18/07/2006	CCQ2432C	821	<i>Nghi</i>	7,0	6,2	6,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A.16

H: 11

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410314)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124170143	Đinh Tuấn Anh	14/06/2006	CCQ2417E	821	Anh	5,1	3,5	4,1	
2	2124170209	Nguyễn Lê Tuấn Anh	04/06/2005	CCQ2417F	820	Anh	8,7	3,6	5,6	
3	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A	819	Cảnh	8,6	6,9	7,6	
4	2123120636	Trần Quốc Chương	07/02/2005	CCQ2312K	822	Chương	8,4	5,0	6,4	
5	2124030169	Nguyễn Hữu Doanh	17/06/2006	CCQ2403E	821	Doanh	8,9	5,4	6,8	
6	2124030162	Đặng Lâm Đồng	08/10/2006	CCQ2403E	820	Đồng	6,5	2,9	4,3	
7	2124170301	Trần Hồng Hải	13/04/2005	CCQ2417I	819	Hải	5,8	3,8	4,6	
8	2124170149	Võ Văn Hân	11/10/2006	CCQ2417E	821	Hân	2,2	2,1	2,1	
9	2124030149	Đoàn Văn Hậu	23/02/2006	CCQ2403E	820	Hậu	6,8	3,0	4,5	
10	2124170175	Nguyễn Văn Hiệp	24/06/1998	CCQ2417E			0,0			
11	2123140044	Trần Hữu Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B	822	Hiếu	5,0	2,9	3,7	
12	2124170313	Dũng Mạnh Lê Hoàng	07/01/2006	CCQ2417I	821	Hoàng	7,2	4,1	5,3	
13	2123170405	Phạm Huy Hoàng	23/09/2004	CCQ2317L	820	Hoàng	5,5	3,4	4,2	
14	2124030170	Nguyễn Thái Học	19/08/2006	CCQ2403E	819	Học	8,6	6,1	7,1	
15	2123050010	Nguyễn Thế Hùng	24/04/2004	CCQ2305A	822	Hùng	5,9	3,7	4,6	
16	2124030151	Trương Thanh Hùng	17/04/2006	CCQ2403E			1,5			
17	2124170319	Trần Gia Huy	28/04/2006	CCQ2417A			0,8			
18	2124170211	Nguyễn Phi Huỳnh	02/09/2006	CCQ2417F	819	Huỳnh	8,4	5,0	6,4	
19	2124030153	Đỗ Văn Khải	02/12/2000	CCQ2403E			0,0			
20	2124170178	Hoàng Gia Anh Khâm	15/01/2006	CCQ2417E	821	Khâm	8,3	4,7	6,1	
21	2124030150	Phan Gia Tấn Khang	13/08/2006	CCQ2403E	820	Khang	8,4	4,8	6,2	
22	2124030144	Đặng Quốc Khánh	29/07/2004	CCQ2403E			0,0			
23	2124030159	Đặng Việt Khánh	22/10/2006	CCQ2403E	822	Khánh	6,9	4,9	5,7	
24	2124170214	Lê Quang Khánh	03/02/2006	CCQ2417F	821	Khánh	8,8	5,6	6,9	
25	2124030160	Lưu Nguyễn Duy Khoa	17/05/2006	CCQ2403E	820	Khoa	9,0	6,8	7,7	
26	2124170309	Phạm Đăng Khôi	19/06/2006	CCQ2417I	819	Khôi	4,1	5,8	5,1	
27	2122170389	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J	822	Kiệt	8,0	4,3	5,8	
28	2124030175	Trần Anh Kiệt	10/05/2006	CCQ2403E	822	Kiệt	9,7	3,7	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410314)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170176	Phan Thiên Kim	12/07/2004	CCQ2217E	819	Kim	5,3	3,4	4,2	
30	2124170152	Phan Đăng Long	19/08/2006	CCQ2417E	821	Long	5,4	4,5	4,9	
31	2124170158	Trần Tiến Lực	13/06/2006	CCQ2417E	819	Lực	7,2	4,3	5,5	
32	2124030171	Hoàng Văn Lương	07/02/2006	CCQ2403E	820	Lương	4,6	2,9	3,6	
33	2124030235	Nguyễn Lê Minh Mẫn	19/03/2004	CCQ2403E			0,0			

92

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 25
H: 01

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410314)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Trần Văn Nguyễn

Đào Thị Diệu

Nguyễn Hà Thanh

T. Tuấn
Đặng Minh Hải

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124030164	Trần Anh Minh	25/01/2006	CCQ2403E	820	minh	5,6	3,6	4,4	
2	2124030166	Nguyễn Văn Ngọ	18/11/2006	CCQ2403E	821	ngô	5,9	5,2	5,5	
3	2123310015	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/06/2005	CCQ2331A	822	ngô	8,3	3,8	5,6	
4	2124030163	Nguyễn Thành Nhân	20/01/2006	CCQ2403E	819	nhân	6,5	4,2	5,1	
5	2124030223	Phan Đình Nhân	26/11/2006	CCQ2403E	820	nhân	7,7	5,1	6,1	
6	2124170170	Mạch Thuận Phát	14/06/2006	CCQ2417E			0,0			29
7	2124030145	Phạm Khắc Phi	05/10/2006	CCQ2403E	822	phạm	7,8	5,0	6,1	
8	2124170162	Đặng Chí Phong	21/07/2006	CCQ2417E			3,1			30
9	2123200062	Ngô Quốc Phong	08/02/2005	CCQ2320A			0,0			31
10	2124030224	Trần Quang Phú	25/07/2003	CCQ2403E	821	phú	10,0	7,6	8,6	
11	2124030143	Dương Công Phước	18/07/2005	CCQ2403E			1,5			32
12	2123200634	Huỳnh Nguyễn Diễm Quỳnh	25/08/2005	CCQ2320G	822	quỳnh	8,5	5,3	6,6	
13	2124030157	Thành Ngọc Sơn	12/04/2005	CCQ2403E	820	son	6,0	5,8	5,9	
14	2124170305	Nguyễn Nhật Tài	30/07/2006	CCQ2417I	821	tài	8,9	7,9	8,3	
15	2124170310	Điền Thành Tâm	11/05/2006	CCQ2417I	822	tâm	7,4	4,6	5,7	
16	2124170147	Huỳnh Duy Anh Tân	21/06/2006	CCQ2417E	819	tân	6,7	4,2	5,2	
17	2124030167	Ngô Kim Thanh	02/01/2006	CCQ2403E	820	thanh	6,9	3,9	5,1	
18	2123110527	Nguyễn Ngọc Thiện	22/04/2005	CCQ2311L	821	thiện	8,6	7,4	7,9	
19	2124170320	Đỗ Văn Thông	04/04/2006	CCQ2417I	822	thông	8,4	3,7	5,6	
20	2124030156	Lâm Minh Thông	20/10/2005	CCQ2403E	819	thông	6,1	4,9	5,4	
21	2124170215	Phạm Văn Thông	15/06/2006	CCQ2417F	821	thông	7,9	4,0	5,6	
22	2124170311	Đỗ Vĩnh Thuận	05/09/2006	CCQ2417I	822	thuận	8,2	4,4	5,9	
23	2124170164	Huỳnh Long Toàn	10/11/2005	CCQ2417E	23	toàn	8,6	5,0	6,4	
24	2124030158	Lê Thanh Trí	22/03/2006	CCQ2403E	820	trí	5,4	5,1	5,2	
25	2124170312	Ngô Minh Trí	11/01/2006	CCQ2417I			0,0			33
26	2124170148	Nguyễn Trục Trí	08/06/2006	CCQ2417E			0,5			
27	2124170150	Nguyễn Anh Trường	05/11/2005	CCQ2417E	822	trường	7,8	4,1	5,6	
28	2123310053	Võ Quốc Trường	26/11/2005	CCQ2331B	819	trường	7,2	5,4	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410314)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: 26

T. Tuấn

Chu

Nguyễn Hà Thanh Vân

T. Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124030154	Lê Anh Tuấn	21/05/2004	CCQ2403E	821	Tuấn	8,9	3,9	5,9	
30	2124170212	La Việt Tường	10/08/2006	CCQ2417F	819	Tuấn	8,9	5,1	6,6	
31	2124170177	Lâm Hải Văn	17/10/2005	CCQ2417E	820	Tuấn	6,9	4,9	5,7	
32	2124030221	Lê Văn Việt	18/10/2006	CCQ2403E			0,0			
33	2123050049	Nguyễn Công Ý	14/07/2005	CCQ2305B	821	Ý	6,4	5,4	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D. 23
R. 03

C. Hề

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410323)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Đang
Hình
Duyệt

Phạm Văn Mạnh

Phạm Văn Mạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330023	Trương Thụy An	01/04/2006	CCQ2433A	820	An	6,5	5,6	6,0	
2	2124330043	Nguyễn Hải Bằng	14/04/2006	CCQ2433B	821	Bằng	5,5	3,1	4,1	HL
3	2124330012	Đương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A			0,0	CT		
4	2123170003	Trần Gia Bảo	26/10/2004	CCQ2317A	819	Bảo	6,0	5,2	5,5	
5	2124330016	Trần Phước Bảo	06/09/2006	CCQ2433A	820	Bảo	6,0	6,3	6,2	
6	2124330024	Lê Hữu Chiến	15/09/2006	CCQ2433A	821	Chiến	7,4	7,2	7,3	
7	2124330070	Trần Văn Công	28/04/2006	CCQ2433B	822	Công	7,0	3,5	5,0	
8	2124330060	Nguyễn Chí Đạt	08/02/2005	CCQ2433B	821	Dat	7,2	7,9	7,6	
9	2124330059	Phạm Anh Đạt	08/05/2006	CCQ2433B	820	Dat	8,6	8,4	8,5	
10	2124330062	Võ Đăng Thành Đạt	08/03/2002	CCQ2433B	819	Dat	7,9	8,4	7,0	
14	2124330029	Phan Thành Diễm	20/09/2006	CCQ2433A			0,0	CT		
12	2124330013	Nguyễn Phúc Đình	12/03/2006	CCQ2433A	822	Đình	6,5	3,4	4,6	HL
13	2124330039	Nguyễn Duy Đức	19/09/2004	CCQ2433A	820	Duc	7,2	5,1	5,9	
14	2124330096	Tô Tiến Dũng	25/09/2005	CCQ2433A			0,0	CT		
15	2124330031	Phạm Hùng Khánh Duy	26/05/2006	CCQ2433A	822	Duy	7,0	4,2	5,3	
16	2124330021	Phạm Khánh Duy	09/03/2006	CCQ2433A			0,0	CT		
17	2124330018	Phạm Thế Hào	07/07/2006	CCQ2433A	820	Hao	7,5	6,2	6,7	
18	2124330045	Võ Minh Hiền	23/06/2006	CCQ2433B	821	Hien	6,7	4,7	5,5	
19	2124330038	Lê Văn Hiếu	11/09/2005	CCQ2433A			0,0	CT		
20	2124330040	Nguyễn Quang Hiếu	08/12/2006	CCQ2433A	819	Hieu	7,2	5,0	5,9	
21	2124330046	Phạm Ngọc Hóa	24/04/2003	CCQ2433B	819	Hoa	8,1	3,7	5,5	
22	2124330020	Khổng Vũ Tiến Hưng	27/11/2005	CCQ2433A	822	Hung	7,3	3,8	5,2	
23	2124330049	Chu Gia Huy	25/01/2006	CCQ2433B	821	Huy	7,7	6,3	6,9	
24	2124330035	Lê Quốc Huy	29/06/2006	CCQ2433A	820	Huy	8,4	7,8	8,0	
25	2124330071	Nguyễn Văn Gia Huy	18/12/2006	CCQ2433B	819	Huy	6,9	6,6	6,7	
26	2124330048	Trương Đan Huy	06/11/2005	CCQ2433B	822	Huy	7,5	3,6	5,2	
27	2124330072	Đỗ Hoàng Khánh	26/04/2005	CCQ2433B	821	Khach	6,8	5,8	6,2	
28	2124330027	Nguyễn Văn Khánh	12/12/2005	CCQ2433A	822	Khach	6,7	4,3	5,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410323)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khôi	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124330067	Ngô Võ Xuân	Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	821	Khôi	7,6	4,5	5,7	
30	2124330044	Phan Huỳnh Lý	Kiệt	01/12/2006	CCQ2433B			2,4	CT		
31	2124330025	Đào Tiến	Lâm	08/07/2005	CCQ2433A	822	Lâm	7,3	4,2	5,4	

32 Nguyễn Văn Lê Hưng 02/3/2006 819 Hưng 5,5 4,0 4,6 HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 26
R: 03

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410323)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330022	Lê Quốc Long	03/01/2006	CCQ2433A	820	Le	6,5	2,6	4,2	HL
2	2124330042	Trần Hoài Nam	08/04/2006	CCQ2433A	821	Ngm	8,0	3,3	5,2	
3	2124330050	Cao Hữu Gia Nghĩa	11/04/2006	CCQ2433B	822	ca	8,1	4,6	6,0	
4	2124330068	Huỳnh Văn Nguyên	11/09/2006	CCQ2433B	819	Phu Nguyen	7,8	4,5	5,8	
5	2124330047	Nguyễn Văn Phát	30/04/2006	CCQ2433B	820	Phat	7,5	5,2	6,2	
6	2124330037	Nguyễn Tấn Phong	01/02/2006	CCQ2433A	821	Phong	9,5	8,6	9,0	
7	2124330014	Hồ Minh Phú	14/02/2006	CCQ2433A			5,5			
8	2124330080	Nông Hồng Phúc	05/09/2006	CCQ2433A	821	Phu	6,0	3,0	4,2	HL
9	2123170016	Nguyễn Kiến Quốc	13/11/2005	CCQ2317A	820	Quoc	7,3	5,0	5,9	
10	2124330028	Nguyễn Thanh Quy	05/02/2006	CCQ2433A	819	Quy	7,3	4,6	5,8	
11	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu Quý	16/06/2005	CCQ2433A			0,0	CT		
12	2124330017	Nguyễn Quang Quyền	19/12/2006	CCQ2433A	821	Q	6,6	3,9	5,0	
13	2124330097	Thái Trường Sơn	02/11/2006	CCQ2433B	820	Son	7,8	4,9	6,1	
14	2123170238	Nguyễn Đắc Tài	05/06/2005	CCQ2317G	819	Tai	8,4	5,3	6,5	
15	2124330076	Đạo Hoàng Thanh Thắng	22/10/2006	CCQ2433B			0,0	CT		
16	2124330052	Phan Văn Thắng	25/11/2005	CCQ2433B	819	Thang	7,0	4,1	5,3	(53)
17	2124330061	Nguyễn Phạm Thanh	25/10/2006	CCQ2433B	820	Thanh	7,3	6,0	6,5	
18	2124330066	Vũ Xuân Thành	07/07/2006	CCQ2433B	821	Thanh	7,7	3,8	5,4	
19	2124330054	Nguyễn Văn Thạnh	31/07/2006	CCQ2433B	819	Thanh	6,5	4,8	5,5	
20	2123170030	Phạm Văn Thạnh	31/07/2005	CCQ2317A	822	Thanh	6,7	5,6	6,0	
21	2124330032	Lê Quang Thiên	21/10/2006	CCQ2433A	821	Thien	3,5	7,6	6,0	
22	2124330015	Nguyễn Hoàng Thống	18/02/2006	CCQ2433A	820	Thong	6,6	5,0	5,6	
23	2124330074	Nguyễn Huỳnh Trung Tín	18/09/2006	CCQ2433B	824	Tin	7,6	5,0	6,0	
24	2124330065	Nguyễn Đức Trọng	05/08/2006	CCQ2433B	819	Trong	8,2	5,4	6,5	
25	2123170258	Nguyễn Hữu Trung	16/04/2005	CCQ2317H	822	Tru	8,4	7,2	7,7	
26	2124330041	Nguyễn Xuân Trường	08/09/2006	CCQ2433A	820	Truong	7,0	5,6	6,2	
27	2123030131	Võ Thanh Tú	22/07/2005	CCQ2303D	819	Tu	6,1	5,8	5,9	
28	2124330030	Châu Đạo Thiên Tứ	07/06/2006	CCQ2433A	820	Tu	7,9	6,3	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410323)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and stamps)
C=H2
Phạm Văn Mạnh
Nguyễn Thị Ngọc
Phường Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	822	Tuấn	8,7	6,7	7,3	
30	2124330007	Nguyễn Mạnh	Tuấn	02/01/2004	CCQ2433A	822	Tuấn	7,0	4,3	5,4	
31	2124330055	Nguyễn Nhật	Tuấn	01/10/2005	CCQ2433B	821	Tuấn	5,0	4,7	4,8	HL
32	2124330069	Lê Văn	Vỹ	16/01/2006	CCQ2433B	822	Vỹ	7,7	5,5	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 19
H: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410309)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 22.

Số bài thi: 22.

Số tờ giấy thi: 22.

Nguyễn Văn Khoa
Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Văn Khoa
Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh

Trần Thị Thảo
Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124120241	Trần Vũ Quốc	Anh	12/02/2003	CCQ2412G	822	0,0			
2	2124120168	Nguyễn Bá Đạt	Đạt	29/12/2005	CCQ2412E	822	6,3	3,9	4,9	
3	2124120290	Nguyễn Hải Dương	Dương	11/12/2004	CCQ2412H		0,0			
4	2124120257	Phạm Thị Hồng	Duyên	10/11/2006	CCQ2412H	820	8,4	6,1	7,0	
5	2124120221	Trương Thị Thu Hà	Hà	31/12/2006	CCQ2412G	821	9,1	7,2	8,0	
6	2124120285	Trần Gia Hân	Hân	29/04/2006	CCQ2412H	822	5,1	4,9	5,0	
7	2123100034	Võ Thị Ngọc Hiền	Hiền	03/09/2005	CCQ2310A	819	7,3	6,8	7,0	
8	2124120268	Huỳnh Tấn Huy	Huy	01/03/2005	CCQ2412H	822	0,0	3,2	1,9	
9	2124120254	Trần Anh Huy	Huy	15/04/2006	CCQ2412G	821	5,4	5,2	5,3	
10	2124120150	Huỳnh Ngọc Gia	Huỳnh	07/10/2006	CCQ2412E	820	7,7	7,5	7,6	
11	2124120186	Nguyễn Minh Khương	Khương	04/05/2005	CCQ2412F		0,0			
12	2124120275	Vũ Trung Kiên	Kiên	30/08/2005	CCQ2412H		0,0			
13	2124120263	Nguyễn Thị Trúc Linh	Linh	20/11/2006	CCQ2412H	821	7,9	5,4	6,4	
14	2124120178	Trịnh Thị Ngọc Linh	Linh	23/05/2006	CCQ2412F	820	7,6	5,1	6,1	
15	2124120250	Huỳnh Phước Lộc	Lộc	01/01/2000	CCQ2412G		0,0			
16	2124120211	Phan Duy Lợi	Lợi	10/04/2006	CCQ2412F		0,0			
17	2124120166	Nguyễn Hùng Nhật Luân	Luân	04/01/2006	CCQ2412E	821	5,0	4,6	4,8	
18	2124120234	Nguyễn Thị Khánh Ly	Ly	28/09/2006	CCQ2412G	822	8,3	7,8	8,0	
19	2124120173	Nguyễn Châu Mạnh	Mạnh	21/06/2006	CCQ2412E	819	8,9	6,8	7,6	
20	2124120264	Đặng Thị Thanh Ngân	Ngân	11/09/2006	CCQ2412H	820	7,0	7,6	7,4	
21	2124120220	Ngô Thị Thúy Ngân	Ngân	04/08/2006	CCQ2412G	821	7,5	5,3	6,2	
22	2124120149	Đinh Thị Thảo Nguyên	Nguyên	03/09/2005	CCQ2412E	820	7,1	4,9	5,8	
23	2124120146	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	Nguyệt	28/03/2006	CCQ2412E	819	6,5	4,8	5,5	
24	2124270151	Trương Minh Nhân	Nhân	30/01/2006	CCQ2427D		0,0			
25	2124120274	Đào Ý Nhi	Nhi	14/09/2006	CCQ2412H	821	7,9	7,6	7,7	
26	2124120237	Lâm Tâm Nhi	Nhi	07/06/2006	CCQ2412G	820	7,5	6,0	6,6	
27	2124120181	Phạm Thị Đồng Nhi	Nhi	02/11/2006	CCQ2412F	819	7,4	5,7	6,4	
28	2124120141	Nguyễn Thuýét Phong	Phong	10/12/2006	CCQ2412E	822	0,0	8,3	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410309)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Nguyễn
Khánh
Vũ

Nguyễn Lê
Nhật Tuyền

Nguyễn Thị Phương
Vinh

Trần Thị Thúc

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124120278	Nguyễn Quang	Phúc	10/07/2005	CCQ2412H		0,0			
30	2124120291	Đỗ Trần Xuân	Phương	27/06/2003	CCQ2412H					
31	2124120269	Nguyễn Thị Hồng	Phương	26/02/2006	CCQ2412H	819	5,3	7,7	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

4:00
Đ: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410309)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21....

Số tờ giấy thi: 21.

C.Thảo

Trưởng Thi
Kim Chi

Nguyễn Thị Phương Linh

Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124120169	Nguyễn Quốc Quý	09/10/2006	CCQ2412E	820		6,0	4,1	5,0	
2	2124120266	Bạch Anh Quốc	06/08/2006	CCQ2412H	820		6,3	4,1	5,0	
3	2124120287	Phan Thị Ngọc Quyên	08/12/2004	CCQ2412H			0,0			
4	2124120162	Trần Giáng Quyên	10/02/2005	CCQ2412E			0,0			
5	2124120232	Lý Như Quỳnh	31/07/2006	CCQ2412F	821		7,3	8,7	8,1	
6	2124120267	Nguyễn Kiều Sa	20/09/2006	CCQ2412H	820		8,6	5,4	6,7	
7	2124120197	Phạm Hoàng Sang	24/09/2006	CCQ2412F			6,2			
8	2124120205	Bùi Tài	01/07/2006	CCQ2412F	822		7,8	7,2	7,4	
9	2124120256	Nguyễn Thanh Tài	01/02/2006	CCQ2412H			0,0			
10	2124120148	Nguyễn Xuân Tâm	09/07/2005	CCQ2412E			0,0			
11	2124120242	Hồ Thị Thu Thắm	27/06/2006	CCQ2412G	819		8,9	7,9	8,3	
12	2124120243	Nguyễn Bá Thành	24/08/2004	CCQ2412G			0,0			
13	2124120219	Đinh Thụy Thảo	30/10/2006	CCQ2412G	819		9,2	8,6	8,8	
14	2124120199	Trương Thị Mỹ Thoa	04/11/2006	CCQ2412F	812		7,2	4,1	5,3	
15	2124120228	Đỗ Ngọc Anh Thư	19/10/2006	CCQ2412G	821		8,2	7,1	7,5	
16	2124120239	Phạm Trần Minh Thư	09/09/2006	CCQ2412G	820		7,4	4,9	5,9	
17	2124120280	Huỳnh Ngọc Thuận	02/09/2006	CCQ2412H			0,0			
18	2124120165	Phan Kế Thuận	03/09/2005	CCQ2412E	820		5,7	6,6	6,2	
19	2124120248	Chu Thị Thanh Thủy	19/04/2006	CCQ2412G	821		9,5	8,1	8,7	
20	2124120265	Lê Thị Phương Thúy	01/11/2006	CCQ2412H	820		9,3	9,0	9,1	
21	2124120289	Lê Duy Tiến	28/06/2006	CCQ2412H			5,0			
22	2124120272	Phạm Tấn Tiến	22/05/2004	CCQ2412H	822		5,0	9,8	7,9	
23	2124120283	Lê Thị Kim Tiên	23/04/2006	CCQ2412H	819		7,5	7,8	7,7	
24	2124120281	Nguyễn Gia Tín	10/03/2005	CCQ2412H			0,0			
25	2124120152	Lê Thị Phương Trinh	22/11/2006	CCQ2412E	819		5,0	5,8	5,5	
26	2124120154	Huỳnh Thị Thanh Trúc	06/06/2006	CCQ2412E	822		6,4	7,3	6,9	
27	2124120203	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	05/11/2005	CCQ2412F	819		7,4	5,0	6,0	
28	2124120270	Nguyễn Công Ty	20/08/2006	CCQ2412H	820		8,5	5,2	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410309)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 24...

Số bài thi:24...

Số tờ giấy thi: 24...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124120273	Nguyễn Minh Thúy	Vy	11/06/2006	CCQ2412H	819	Vy	5,0	7,8	6,7	
30	2124120288	Nguyễn Thị Thảo	Vy	01/09/2006	CCQ2412H	819	Vy	8,2	7,7	7,9	
31	2124120202	Trần Nhật	Vy	29/12/2006	CCQ2412F	822	Ky	8,1	6,8	7,3	
32	2124120204	Nguyễn Ngọc Như	Y	13/04/2002	CCQ2412F	/	/	0,0	/	/	/

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 7
Đ: 24

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 31.

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124040042	Nguyễn Văn An	10/03/2005	CCQ2404B	822	<i>Le</i>	6,4	5,7	6,0	
2	2124040065	Trần Quốc Anh	23/05/2005	CCQ2404B	801	<i>AN</i>	8,0	3,5	5,3	
3	2124040054	Hoàng Văn Anh	22/11/2006	CCQ2404B			0,0			
4	2124030013	Nguyễn Duy Anh	29/08/2006	CCQ2403A	820	<i>Anh</i>	6,3	4,0	4,9	
5	2124030222	Nguyễn Ngô Hoàng Anh	15/04/2006	CCQ2403B	822	<i>Anh</i>	7,6	8,1	7,9	
6	2123120663	Nguyễn Tuấn Anh	29/10/2005	CCQ2312K	820	<i>tuấn</i>	6,4	6,0	6,2	
7	2124040067	Lê Nguyễn Việt Bách	12/01/2006	CCQ2404B	821	<i>Bach</i>	5,0	5,6	5,4	
8	2124030056	Phùng Phúc Bảo	10/06/2006	CCQ2403B	819	<i>Bach</i>	8,4	6,9	7,5	
9	2124040003	Nguyễn Chí Bình	03/05/2006	CCQ2404A	810	<i>Binh</i>	7,4	6,5	6,9	
10	2124030019	Vũ Hồng Công Đại	26/05/2005	CCQ2403A	820	<i>Đại</i>	8,2	6,7	7,3	
11	2124030053	Nguyễn Hồ Hữu Dân	10/11/2006	CCQ2403B	822	<i>Dan</i>	8,0	6,8	7,3	
12	2122030172	Nguyễn Tiến Đạt	18/04/2004	CCQ2203E	819	<i>Dat</i>	8,6	5,0	6,4	
13	2123110121	Nguyễn Thanh Đông	16/07/2005	CCQ2305E	821	<i>Đông</i>	0,0	3,3	2,0	
14	2123050205	Đỗ Thế Đức	24/09/2005	CCQ2305E	819	<i>Đ</i>	8,8	6,9	7,7	
15	2124040055	Nguyễn Anh Đức	22/08/2006	CCQ2404B			0,0			
16	2123050220	Võ Trương Đức	19/05/2005	CCQ2305E	822	<i>Đức</i>	7,9	5,2	6,3	
17	2124030036	Nguyễn Thanh Hải	02/05/2005	CCQ2403B	819	<i>Hai</i>	5,2	2,2	3,4	
18	2124030016	Đinh Quang Hậu	26/10/2006	CCQ2403A	821	<i>Hieu</i>	8,9	6,9	7,7	
19	2124040028	Huỳnh Văn Hiền	15/02/2006	CCQ2404A	819	<i>Hien</i>	8,1	5,5	6,5	
20	2124030037	Nguyễn Minh Hiếu	15/10/2006	CCQ2403B	821	<i>Hieu</i>	7,8	6,2	6,8	
21	2124030044	Nguyễn Minh Hiếu	24/04/2006	CCQ2403B	819	<i>Hieu</i>	6,7	3,4	4,7	
22	2124040047	Nguyễn Quốc Hùng	01/10/2006	CCQ2404B			0,0			
23	2124030003	Huỳnh Văn Huy	20/04/2005	CCQ2403A	820	<i>Huy</i>	8,1	4,9	6,2	
24	2124040068	Nguyễn Đức Huy	15/01/2006	CCQ2404B	820	<i>Huy</i>	5,0	3,4	4,0	
25	2124030054	Trần Gia Huy	04/01/2006	CCQ2403B	822	<i>Huy</i>	8,9	4,0	6,0	
26	2124040022	Trần Văn Huy	12/10/2006	CCQ2404A	820	<i>Huy</i>	7,1	5,3	6,0	
27	2124040021	Đinh Trọng Huyền	31/08/2006	CCQ2404A	822	<i>Huy</i>	8,0	6,4	7,0	
28	2124030005	Trần Bảo Huỳnh	29/12/2006	CCQ2403A	820	<i>Huy</i>	7,5	5,6	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 31.

Số bài thi: ..21....

Số tờ giấy thi: 31.

(T.T.) *Trần Thị Thanh Lê* *Nguyễn Thị Phương Hồng*
Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Khoa	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	822	<i>Th</i>	8,9	6,3	7,3	
30	2124040048	Huỳnh Tấn	Kiên	04/05/2006	CCQ2404B	820	<i>Th</i>	6,7	1,9	3,8	
31	2124040045	Nguyễn Văn	Kiệt	03/11/2006	CCQ2404B	821	<i>Th</i>	8,6	5,4	6,7	
32	2124030213	Trần Hoàng	Kiệt	23/09/2005	CCQ2403B	821	<i>Th</i>	6,3	3,1	4,4	
33	2124040049	Nguyễn Văn	Long	10/10/2006	CCQ2404B			0,0			
34	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	822	<i>Th</i>	7,5	5,9	6,5	
35	2122030142	Lê Công	Lý	16/07/2004	CCQ2203E	819	<i>Th</i>	9,0	5,0	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Lê Thảo

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410304)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 29...

Số bài thi: ...29...

Số tờ giấy thi: 29.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Nguyễn Thị Thái

Nguyễn Thị Kim Ngân

Ths. Trần Thị Ai Hương
Lê Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124300204	Nguyễn Trần Quốc Ân	13/05/2006	CCQ2430A	874389		0,0	3,8	23	/
2	2124260086	Lý Hoàng Anh	06/08/2006	CCQ2426C	820		6,9	7,8	7,4	
3	2122110042	Mai Hoàng Bảo	07/03/2004	CCQ2211B	821		9,1	6,3	7,4	
4	2124260106	Nguyễn Thị Thái Bình	16/01/2006	CCQ2426C	822		5,1	6,1	5,7	
5	2124260095	Hồ Ngọc Trân Châu	01/07/2006	CCQ2426C	819		7,3	5,5	6,2	
6	2122030019	Lại Thành Đặng	14/12/2003	CCQ2203A	821		6,9	4,8	5,6	
7	2124260110	Nguyễn Thị Anh Đào	21/12/2005	CCQ2426D	820		2,0	3,0	2,6	/
8	2124260144	Võ Đức Đạt	16/10/2006	CCQ2426D	819		0,0			
9	2124100038	Phạm Thị Ngọc Diệu	28/01/2006	CCQ2410B	819		8,1	7,5	7,7	
10	2124260101	Giang Minh Đức	19/10/2006	CCQ2426C	920		7,6	3,5	5,1	
11	2124260077	Ngô Thị Mỹ Dung	15/10/2006	CCQ2426C	821		6,3	7,3	6,9	
12	2124260074	Lê Trạc Khả Duy	06/04/2005	CCQ2426C			1,8			
13	2124260076	Nguyễn Thùy Duyên	20/10/2006	CCQ2426C	819		5,8	4,8	5,2	
14	2124260081	Bùi Hoàng Giang	26/03/2006	CCQ2426C	820		5,9	3,1	4,2	/
15	2124100216	Hồ Trúc Giang	15/12/2006	CCQ2410A			0,0			
16	2124260102	Ngô Thị Trà Giang	25/12/2004	CCQ2426C	822		7,8	5,0	6,1	
17	2122030103	Nguyễn Quốc Hiệp	01/01/2004	CCQ2203C	819		7,8	4,2	5,6	
18	2124100031	Phạm Thị Kim Hoa	01/01/2006	CCQ2410A	820		7,2	6,8	7,0	
19	2124260145	Trần Quốc Hòa	06/11/2006	CCQ2426D	821		9,1	6,7	7,7	
20	2123170196	Trần Xuân Hùng	24/09/2003	CCQ2317F			1,6			
21	2122030082	Đặng Ngọc Huy	25/06/2003	CCQ2203C	819		7,7	7,0	7,3	
22	2124260104	Lý Gia Huy	18/05/2006	CCQ2426C	820		8,6	3,8	5,7	
23	2124100118	Phạm Khánh Huyền	25/08/2006	CCQ2410A	821		7,4	4,5	5,7	
24	2124100043	Huỳnh Duy Khang	04/06/2006	CCQ2410A	822		9,0	7,5	8,1	
25	2123030167	Lưu Tấn Kiên	02/03/2005	CCQ2303E			0,0			
26	2123030174	Lê Tuấn Kiệt	19/01/2005	CCQ2303E	820		7,3	5,2	6,0	
27	2124260138	Lê Thị Kim Liên	26/12/2005	CCQ2426D	821		9,9	7,2	8,3	
28	2124260105	Nguyễn Yến Linh	08/09/2004	CCQ2426C			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410304)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

ThS. Trần Thị Ái Hoàng
Lê Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124300148	Huỳnh Công Lịnh	10/11/2006	CCQ2430D	819		9,7	8,0	8,7	
30	2124260121	Phạm Thị Loan	26/03/2006	CCQ2426D	820		7,4	7,0	7,2	
31	2123190075	Trần Đặng Thị Xuân	28/04/2005	CCQ2319C	821		7,3	6,3	6,7	
32	2122110067	Đặng Thị Tố My	17/10/2002	CCQ2211B	822		8,4	7,1	7,6	
33	2124260072	Đỗ Dự Trà	18/01/2006	CCQ2426C	819		5,8	4,5	5,0	
34	2124260127	Nguyễn Thảo My	29/11/2006	CCQ2426D	820		8,6	6,6	7,4	
35	2124260131	Bùi Thị Tố Nga	24/10/2006	CCQ2426D	821		5,7	6,1	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 17
H: 06

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410305)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110060	Nguyễn Thiên Ân	15/02/2006	CCQ2411B	820	960	7,2	5,4	6,1	
2	2124110340	Lê Nguyễn Ngọc Duy	19/10/2006	CCQ2411H	81		0,0			
3	2122170531	Nguyễn Lê Tuấn	30/07/2004	CCQ2217N	822	luon Anh	7,5	3,7	5,2	
4	2124110189	Hoàng Huy	26/01/2006	CCQ2411F			0,0			
5	2124110087	Nguyễn Quốc	04/07/2006	CCQ2411C	820		7,2	4,2	5,4	
6	2124110242	Trần Đăng	26/02/2005	CCQ2411E			0,0			
7	2122030231	Trần Minh	09/05/2004	CCQ2203B	822	Bey	7,8	3,6	5,3	
8	2124110322	Trịnh Hiền Gia	20/09/2006	CCQ2411F			0,0			
9	2124110117	Võ Văn	14/10/2006	CCQ2411D	820		6,1	2,5	3,9	
10	2124110313	Lê Xuân	18/01/2005	CCQ2411E	821		0,0	6,3	3,8	
11	2124110113	Mai Chí	19/09/2006	CCQ2411D	822	Quang	6,3	4,3	5,1	
12	2122120461	Trần Mai Hải	15/07/2004	CCQ2212N			3,3			
13	2124110102	Rmah	27/10/2006	CCQ2411C			0,0			
14	2124110127	Trần Tấn	24/06/2006	CCQ2411D	821		7,3	5,0	5,9	
15	2124110332	Nguyễn Thành	09/04/2006	CCQ2411H			0,0			
16	2124110178	Đặng Quốc	01/10/2006	CCQ2411F	819	Duy	8,6	4,6	6,2	
17	2124110073	Phạm Văn	12/03/2006	CCQ2411C	820	Phuc	8,2	6,1	6,9	
18	2124110163	Nguyễn Quốc	13/01/2006	CCQ2411E	821		6,5	4,6	5,4	
19	2123110252	Vân Thị Ngọc	18/03/2005	CCQ2311H	822	Hang	6,9	3,0	4,6	
20	2124110284	Trần Quốc	06/11/2006	CCQ2411H	819	Thi	6,4	5,0	5,6	
21	2124110141	Hoàng Minh	07/09/2006	CCQ2411E			0,0			
22	2124110183	Hứa Thanh	23/12/2006	CCQ2411F	821	Hie	4,4	2,9	3,5	
23	2124110263	Huỳnh Nhật	04/06/2006	CCQ2411H			0,0			
24	2124110157	Nguyễn Quốc	25/05/2006	CCQ2411E			0,0			
25	2124110130	Lê Thanh	08/12/2003	CCQ2411D	820	Hong	7,4	5,8	6,4	
26	2124110151	Nguyễn Vũ	07/02/2006	CCQ2411E	821	Hoi	5,7	4,3	4,9	
27	2124110144	Trần Đình Huy	24/11/2006	CCQ2411E	822	Huong	8,2	4,5	6,0	
28	2124110156	Nguyễn Ngọc Khoa	01/07/2006	CCQ2411E			4,6			

Học kỳ 1 (2024-2025)

Số tờ giấy thi: 29

G. Viên chấm thi 2

reached
Benny

Đặng Minh Thuận

Ngày in: 09/11/2024

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 29
H: 03

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410307)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

C. Hương
Đào Thanh Sơn
Thưần
Chu Thị Hòa
Chị Thanh Thảo
Trần Thị Anh Thư

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110233	Ngô Hà Nhật	Cương	21/09/2006	CCQ2411G	821	Cung	5,5	4,6	5,0
2	2122170544	Nguyễn Phạm Tiến	Đạt	13/09/2004	CCQ2217N	822	Đạt	7,7	6,5	7,0
3	2124110247	Phạm	Đông	05/06/2001	CCQ2411G	819	Đông	9,0	6,9	7,7
4	2124110218	Lê Nhật	Huy	23/01/2006	CCQ2411G	820	Huy	3,8	5,6	4,9
5	2124110243	Đông Nhật Anh	Khoa	05/01/2005	CCQ2411G			2,7		
6	2122170518	Phan Minh	Khoa	01/03/2003	CCQ2217M	822	Khoa	5,4	5,4	5,4
7	2124310060	Đỗ Thị Mỹ	Linh	12/03/2006	CCQ2431B	819	linh	6,5	5,6	6,0
8	2124310008	Trần Nguyễn Hà	Linh	12/12/2004	CCQ2431A	820	Linh	5,1	4,9	5,0
9	2122170216	Huỳnh Hoàng	Lợi	05/10/2004	CCQ2217F	821	L	9,2	4,6	6,4
10	2124310167	Phạm Thị	Màu	30/04/2004	CCQ2431B	822	Màu	9,0	5,9	7,1
11	2124310059	Võ Tuấn	Minh	23/01/2006	CCQ2431B			0,0	CT	0,00
12	2124310014	Nguyễn Thị Kiều	My	20/03/2006	CCQ2431A	820	My	5,7	5,4	5,5
13	2124310034	Võ Lê Thuý	Ngân	15/11/2006	CCQ2431A	821	tnq	6,6	7,2	7,0
14	2124310017	Đoàn Thanh	Nghĩa	19/10/2006	CCQ2431A	822	Nghĩa	7,9	5,7	6,6
15	2124310007	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	30/04/2002	CCQ2431A	819	Ng	9,6	8,0	8,6
16	2124310004	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	19/05/2000	CCQ2431A	820	Phạm	8,1	8,0	8,0
17	2124310016	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	04/07/2006	CCQ2431A	821	nguyen	6,4	5,8	6,0
18	2123030048	Nguyễn Thành	Nhân	24/06/2005	CCQ2303B	822	Nhân	7,9	5,3	6,3
19	2124110299	Nguyễn Thành	Nhân	18/07/2006	CCQ2411G	819	N	6,3	7,9	7,3
20	2124310171	Nguyễn Thành	Nhân	23/12/2005	CCQ2431E	820	N	6,0	4,6	5,2
21	2124310043	Nguyễn Thị Hà	Nhi	20/06/2005	CCQ2431B	821	Nhi	7,5	6,0	6,6
22	2124110221	Nguyễn Thị Yến	Nhi	23/06/2006	CCQ2411G	822	N	6,4	6,3	6,3
23	2124310066	Huỳnh Thị Ngọc	Như	02/09/2006	CCQ2431B	819	Như	7,7	6,6	7,0
24	2124310058	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	12/09/2006	CCQ2431B	820	Như	8,2	6,6	7,2
25	2124310029	Nguyễn Thanh	Nhựt	06/10/2006	CCQ2431A	821	n	9,8	6,7	7,9
26	2124310025	Huỳnh Văn Như	Ni	15/06/2006	CCQ2431A	822	N	4,8	4,7	4,7
27	2122270160	Phạm Ngọc	Phát	06/07/2004	CCQ2227E			0,0	CT	0,00
28	2124310041	Nguyễn Đức	Phong	15/10/2006	CCQ2431B	820	Phong	6,3	4,1	5,0

100

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410307)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Đặng Thành Sang

Thư

Lê Thị Mai

Lê Thị Mai

C. Hoàng
Lê Thị Mai

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quân	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	821	Quân	7,9	6,1	6,8	
30	2124110276	Nguyễn Đức	Quân	08/02/2006	CCQ2411H	822	Quân	9,1	6,7	7,7	
31	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	819	Anang	5,8	6,4	6,2	
32	2124110235	Trần Nghĩa	Sáng	19/10/2002	CCQ2411G	820	Sáng	1,3	4,5	3,2	
33	2124110289	Đặng Xuân	Sơn	27/03/2006	CCQ2411H	821	Sơn	5,9	6,0	6,0	
34	2124310038	Lê Trường	Sơn	16/10/2006	CCQ2431B	822	Sơn	9,3	7,3	8,1	
35	2124310031	Võ Thanh	Tài	01/09/2006	CCQ2431A	819	Tài	7,7	5,4	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410311)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124140023	Nguyễn Quốc Bảo	01/09/2006	CCQ2414A	822	Bao	8,2	5,7	6,7	
2	2124140067	Nguyễn Phan Việt	02/05/2005	CCQ2414B	819	Việt	7,8	3,3	5,1	
3	2124150081	Lê Bảo Chung	20/08/2006	CCQ2415C	821	Chung	6,5	5,4	5,8	
4	2124140051	Lý Tiến Đạt	13/12/2005	CCQ2414B	822	Đạt	5,9	3,7	4,6	
5	2123030079	Ngô Tiến Đạt	29/01/2004	CCQ2303C	819	Đạt	8,0	3,5	5,3	
6	2123180050	Nguyễn Quang Đông	23/11/2005	CCQ2318B	821	Đông	7,4	5,8	6,4	
7	2124150083	A Ri Fin	03/10/2005	CCQ2415C	821	Fin	5,0	7,8	6,7	
8	2123030095	Châu Thành Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C	822	Hiệp	7,9	5,5	6,5	
9	2124150071	Nguyễn Minh Hiếu	18/08/2006	CCQ2415C	820	Hiếu	8,2	4,9	6,2	
10	2124140042	Huỳnh Lê Thái Hòa	30/01/2005	CCQ2414B			0,0			
11	2123030132	Lê Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	820	Hoàng	8,0	4,4	5,8	
12	2124140002	Trần Thiện Hoàng	10/08/2006	CCQ2414A	820	Hoàng	6,7	3,8	5,0	
13	2122170651	Hoàng Vũ Hùng	26/11/2004	CCQ2217Q	821	Hùng	3,6	5,0	4,4	
14	2124140016	Huỳnh Anh Huy	17/09/2006	CCQ2414A	819	Huy	7,0	4,2	5,3	
15	2123030127	Nguyễn Ngọc Huy	18/10/2005	CCQ2303D	820	Huy	8,6	5,8	6,9	
16	2124140035	Nguyễn Quốc Huy	04/01/2006	CCQ2414A			0,0			
17	2123030087	Trần Quốc Huy	21/09/2005	CCQ2303C	819	Huy	8,1	5,4	6,5	
18	2124140047	Trương Gia Huy	09/04/2006	CCQ2414B	821	Huy	8,0	8,1	8,1	
19	2122030189	Trần Minh Kết	25/10/2003	CCQ2203F	819	Kết	6,2	8,3	7,5	
20	2124140060	Nguyễn Thanh Kha	18/10/2006	CCQ2414B	822	Kha	1,4	6,8	4,6	
21	2124140015	Trần Bảo Khanh	05/05/2006	CCQ2414A	820	Khanh	5,9	8,1	7,2	
22	2124140048	Nguyễn Anh Khoa	10/02/2005	CCQ2414B	821	Khoa	4,6	4,0	4,2	
23	2124140007	Huỳnh Tuấn Kiệt	15/06/2006	CCQ2414A			0,0			
24	2124140056	Vũ Tuấn Kiệt	23/08/2006	CCQ2414B	822	Kiệt	8,5	8,5	8,5	
25	2124140014	Tổng Nghĩa Minh	09/07/2006	CCQ2414A	820	Minh	3,5	8,9	6,7	
26	2123140067	Vũ Trọng Nghĩa	09/11/2005	CCQ2314B			0,0			
27	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C	821	Nhật	8,0	7,4	7,6	
28	2122170721	Nguyễn Huy Nhật	17/09/2004	CCQ2217R	819	Nhật	6,7	5,8	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410311)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Ngô Đình Khôi

ThS. Trần Thị Ái Hương
Lê Thị Thanh Chi

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123030114	Phan Công	Nhĩ	17/11/2005	CCQ2303D	822	Nhĩ	7,6	5,8	6,5	
30	2124140005	Lê Minh	Phát	12/03/2000	CCQ2414A			9,0			
31	2123030124	Phạm Ngọc	Phong	13/10/2005	CCQ2303D	819	Phong	8,0	8,0	8,0	
32	2124140063	Phạm Văn Đức	Phong	14/10/2006	CCQ2414B	820	Đ	6,9	8,9	8,1	
33	2123030107	Phạm Thanh	Phú	20/10/2004	CCQ2303C			2,6			
34	2123030128	Nguyễn Hữu	Phúc	19/07/2005	CCQ2303D	822	Phuc	7,5	7,8	7,7	
35	2124140009	Trần Hữu	Phước	16/01/2005	CCQ2414A	820	Đ	6,4	8,6	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 22
H: 7

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410319)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 29...

Số bài thi:24...

Số tờ giấy thi: 24.

C. Linh

Trần Thị Thu Thảo
Nguyễn T. P. Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ảnh	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124260030	Phạm Thị Ngọc	Ảnh	26/01/2004	CCQ2426A	819	Anh	8,6	8,0	8,2	
2	2124260004	Lê Nguyễn Khánh	Bằng	20/07/2006	CCQ2426A			9,0			
3	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	CCQ2317B	821	B	5,7	4,2	4,8	
4	2124260066	Đặng Nguyễn Tấn	Đoàn	26/09/2004	CCQ2426B			0,0			
5	2124260046	Lê Quang	Dự	26/09/2006	CCQ2426B	819	LP	8,5	3,9	5,7	
6	2124260053	Lê Phương	Dung	06/02/2006	CCQ2426B	819	Phuong	6,5	3,8	4,9	
7	2124260034	Nguyễn Thành	Dương	15/04/2006	CCQ2426A	821	Quang	4,8	2,5	3,4	
8	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B	820	Quang	6,7	2,8	4,4	
9	2124260054	Lê Bá	Duy	25/03/2006	CCQ2426B	819	Phu	8,0	4,5	5,9	
10	2124260040	Lê Hải	Duy	01/12/2006	CCQ2426B	822	Phu	9,4	3,3	5,7	
11	2124260028	Nguyễn Lạc	Duy	09/10/2005	CCQ2426A			8,2			
12	2123040002	Nguyễn Văn	Hải	03/05/2002	CCQ2304A	820	Phu	7,2	4,6	5,6	
13	2124260010	Nguyễn Gia	Hân	24/07/2006	CCQ2426A			0,0			
14	2124260043	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	22/08/2006	CCQ2426B	822	Hanh	6,4	4,4	5,2	
15	2124260031	Hồ Nguyễn Anh	Hào	16/11/2006	CCQ2426A	821	Hao	5,2	2,7	3,7	
16	2123170342	Nguyễn Xuân	Hào	17/11/2005	CCQ2317J	822	Hao	7,9	6,0	6,8	
17	2123170045	Phạm Minh	Hậu	05/06/2005	CCQ2317B	819	Hau	6,6	4,8	5,5	
18	2123310006	Phạm Quang	Hiệu	05/01/2005	CCQ2331A	820	Hu	5,9	4,9	5,3	
19	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	821	Hung	5,6	4,0	4,6	
20	2124260015	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/08/2006	CCQ2426A	822	Huong	7,9	4,0	5,6	
21	2124260069	Phạm Minh	Hương	22/03/2006	CCQ2426B			3,3			
22	2124260014	Lê Hoàng Nhật	Huy	05/07/2006	CCQ2426A	822	Huy	7,4	3,5	5,1	
23	2124260003	Nguyễn Thị Thu	Huyền	19/11/2006	CCQ2426A	821	Huyen	6,4	2,9	4,3	
24	2124260055	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/04/2006	CCQ2426B	820	Kiet	7,3	3,9	5,3	
25	2124260024	Hồ Thị Huệ	Linh	19/08/2006	CCQ2426A	819	Linh	8,6	6,5	7,3	
26	2124260057	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	15/06/2006	CCQ2426B	822	Linh	7,1	5,3	6,0	
27	2124260022	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	24/06/2006	CCQ2426A	821	Loan	7,5	4,1	5,5	
28	2124260063	Nguyễn Hồng	Lộc	04/07/2006	CCQ2426B	820	L	7,9	4,9	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410319)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 89..

Số bài thi:89..

Số tờ giấy thi: 89.

re
1. Q. N. L.

gmp
Ng. P. Hoàng

Thi. Thi. Thi.

Thi.
Ng. T. P. Linh

C. Linh

102

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124260037	Phan Minh Lý	22/12/2005	CCQ2426B	819	<i>me</i>	6,7	3,9	5,0	
30	2124260060	Trương Thị Kiều Lý	15/09/2006	CCQ2426B	820	<i>Ly</i>	7,9	7,1	7,4	
31	2124260012	Fa Tì Mah	18/10/2006	CCQ2426A	821	<i>gally</i>	7,9	6,2	6,9	
32	2123170052	Diệp Gia Minh	26/01/2005	CCQ2317B	822	<i>me</i>	7,3	5,6	6,3	
33	2123170343	Lê Nhựt Minh	20/04/2005	CCQ2317J	819	<i>me</i>	6,7	4,8	5,6	
34	2124260018	Từ Thị Trà My	18/11/2006	CCQ2426A	820	<i>Tram</i>	6,7	4,5	5,4	
35	2122170413	Võ Văn Nam	26/08/2004	CCQ2217K			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410320)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi: 31...

Số tờ giấy thi: 31...

STT	MÃ SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124270008	Nguyễn Thị Hồng	An	05/08/2006	CCQ2427A	820	An	6,0	4,4	5,0
2	2124270038	Trương Ngọc	Ẩn	18/06/2006	CCQ2427B	821	An	8,3	6,5	7,2
3	2124270027	Phan Nguyễn Khánh	Bằng	04/04/2006	CCQ2427A	822	Bằng	5,9	4,1	4,8
4	2124270090	Nguyễn Thanh	Bằng	12/08/2006	CCQ2427C	820	Bằng	6,2	6,5	6,4
5	2124270056	Lê Trần Chí	Báo	06/08/2006	CCQ2427B	820	B	5,4	5,7	5,6
6	2124270002	Huỳnh Báo	Châu	14/12/2006	CCQ2427A	821	Báo	8,3	7,6	7,9
7	2124270086	Nguyễn Trọng Báo	Châu	12/03/2006	CCQ2427C	822	Châu	7,1	6,3	5,6
8	2124270019	Vũ Kim	Đại	21/07/2006	CCQ2427A	819	Đại	6,1	4,3	5,0
9	2124270073	Phan Thị Thùy	Dân	25/09/2006	CCQ2427C	820	Thùy	7,8	4,6	5,9
10	2124270039	Nguyễn Tuấn	Đạt	25/04/2006	CCQ2427B	821	Tuấn	7,8	7,6	7,7
11	2124270105	Phạm Ngọc	Đạt	28/03/2006	CCQ2427C	822	Đạt	5,9	6,5	6,3
12	2124270052	Lê Thị Thu	Diễm	10/06/2006	CCQ2427B	819	Thu	7,7	4,8	6,0
13	2124270058	Nguyễn Thị	Diễm	26/09/2005	CCQ2427B	820	Diễm	7,5	5,1	6,1
14	2124270035	Trần Hữu	Đức	20/06/2006	CCQ2427A	821	Hữu	7,2	5,6	6,2
15	2124270064	Nguyễn Ngọc Thuý	Duyên	30/10/2006	CCQ2427B	822	Duy	7,6	5,6	6,4
16	2124270102	Nguyễn Thị Hồng	Gám	03/07/2006	CCQ2427C	819	Hồng	8,8	7,0	7,7
17	2124270028	Đinh Lê Ngọc	Giàu	26/06/2006	CCQ2427A	820	Giàu	7,8	5,2	6,2
18	2124270147	Đương Nguyễn Gia	Hân	04/09/2005	CCQ2427D			0,0	CT	/
19	2124270087	Huỳnh Phúc	Hậu	18/11/2006	CCQ2427C	821	Phúc	6,9	7,1	7,0
20	2124270100	Ngô Thị Bích	Hiền	15/03/2006	CCQ2427C	822	Hiền	7,6	5,8	6,5
21	2124270044	Đàng Văn	Hoài	21/12/2005	CCQ2427B	819	Văn	8,3	7,1	7,6
22	2124270009	Phan Minh	Hoàng	21/11/2006	CCQ2427A			0,0	CT	/
23	2124270111	Phạm Nguyễn Văn	Hùng	14/03/2006	CCQ2427D	819	Văn	7,7	5,2	6,2
24	2124270125	Nguyễn Kim	Huy	26/01/2005	CCQ2427D			0,0	CT	/
25	2124270034	Võ Thị Mỹ	Huyền	12/01/2006	CCQ2427A	819	Mỹ	7,9	6,5	7,1
26	2124270095	Vũ Trần Anh	Khôi	12/08/2003	CCQ2427C	822	Anh	6,1	7,0	6,6
27	2124270050	Trần Đình	Kiệt	27/04/2006	CCQ2427B	821	Đình	6,3	4,6	5,3
28	2124270132	Đoàn Thị Kim	Lan	30/04/2006	CCQ2427D	820	Lan	5,9	4,2	4,0

(103)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410320)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 31/...

Số bài thi:31/...

Số tờ giấy thi: 31/...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124270068	Huỳnh Phúc	Lên	20/11/2005	CCQ2427B			CT		
30	2124270071	Nguyễn Thị Yến	Linh	16/10/2005	CCQ2427B	819 Lin	7,4	7,8	7,6	
31	2124270130	Phạm Mỹ	Linh	28/02/2006	CCQ2427D	820	8,4	8,1	8,2	
32	2124270070	Lê Thị Ngọc	Loan	10/11/2006	CCQ2427B	821 Loan	5,9	7,1	6,6	
33	2124270141	Bùi Văn Phú	Lộc	12/08/2005	CCQ2427D	821 Lộc	4,5	4,6	4,6	*
34	2124270077	Nguyễn Vũ	Luân	26/09/2006	CCQ2427C	819 Vũ	4,0	3,7	3,8	+
35	2124270066	Lê Thu Trà	My	26/08/2006	CCQ2427B	820 Trà	7,9	6,8	7,2	

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 22

G. Viên chấm thi 2

Phòng thi: D7-38

Số tờ giấy thi: ...3.2

G. Viên chấm thi 2

16

Food Cuid

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124170256	Đình Công	Anh	30/09/2006	CCQ2417H	822		6,5	4,9	5,5
2	2124170189	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	02/08/2005	CCQ2417F			0,0		
3	2124170263	Trần Thái	Bình	10/12/2005	CCQ2417H	822		7,0	3,7	5,0
4	2124170129	Tạ Đình	Chi	13/09/2006	CCQ2417D	821		5,0	2,5	3,5
5	2124170225	Hồ Xuân	Cường	20/12/2005	CCQ2417G	820		6,8	5,4	6,0
6	2124170277	Nguyễn Việt	Cường	26/10/2005	CCQ2417H	819		5,0	3,8	4,3
7	2124170220	Nguyễn Văn	Đạt	09/01/2006	CCQ2417G	822		7,0	4,7	5,6
8	2124170272	Phạm Cao Thành	Đạt	15/09/2006	CCQ2417H	819		5,0	3,4	4,0
9	2124170106	Đỗ Ngọc	Đức	25/01/2005	CCQ2417D	820		8,8	7,1	7,8
10	2124170217	Lê Đình	Đức	30/07/2006	CCQ2417G	821		8,0	5,4	6,4
11	2124170107	Nguyễn Trung	Dương	09/03/2006	CCQ2417D	822		7,7	4,5	5,8
12	2124170253	Nguyễn Minh	Hậu	12/05/2006	CCQ2417G	819		7,1	3,4	4,9
13	2124170195	Nguyễn Minh	Hiền	01/06/2006	CCQ2417F	820		6,7	5,5	6,0
14	2124170122	Phạm Văn	Hiếu	23/11/2006	CCQ2417D	821		7,9	3,6	5,3
15	2124170182	Nguyễn Đông	Hoa	04/05/2005	CCQ2417F	819		5,0	4,3	4,6
16	2124170115	Trần Lê Quốc	Hung	03/05/2006	CCQ2417D			0,0		
17	2124170262	Lê Đình	Huy	14/11/2006	CCQ2417H			0,0		
18	2124170264	Nguyễn Minh	Khánh	14/02/2006	CCQ2417H	819		8,7	7,0	7,7
19	2124170291	Nguyễn Anh	Khoa	05/03/2006	CCQ2417G	810		5,0	4,6	4,8
20	2124170285	Trần Minh	Khôi	25/12/2006	CCQ2417D	821		7,6	6,8	7,1
21	2124170188	Lý Thành	Khương	13/09/2006	CCQ2417F	822		5,4	3,5	4,3
22	2124170224	Trần Tấn	Lộc	07/03/2006	CCQ2417G	820		6,0	4,4	5,0
23	2124170228	Võ Hà Tiến	Lợi	25/08/2005	CCQ2417G	821		5,0	3,6	4,2
24	2124170202	Lê Hữu	Luân	25/09/2006	CCQ2417F	822		6,2	3,4	4,5
25	2124170266	Nguyễn Thanh	Luân	07/11/2004	CCQ2417H	819		9,4	6,7	7,8
26	2124170126	Lê Bằng	Nam	16/11/2006	CCQ2417D	820		8,4	4,9	6,3
27	2123170495	Nguyễn Duy	Nam	03/03/2005	CCQ2317N	821		8,7	4,4	6,1
28	2124170123	Nguyễn Hoàng	Nam	19/11/2005	CCQ2417D	822		7,2	2,7	4,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410327)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-38

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124170119	Nguyễn Nhật	Nam	11/11/2006	CCQ2417D	821 Nam	5,0	2,3	3,4	
30	2122070002	Thái Thị Kim	Ngân	17/06/2004	CCQ2207A	822 Kim	9,3	7,0	7,9	
31	2124170118	Vô Văn	Nghĩa	02/04/2006	CCQ2417D	819 Nghĩa	7,2	4,0	5,3	
32	2124170131	Đỗ Văn	Nhân	27/10/2006	CCQ2417D	820 Nhân	7,9	4,5	5,9	
33	2124170222	Nguyễn Quốc	Nho	25/02/2006	CCQ2417G	821 Nho	6,5	4,6	5,4	
34	2124170292	Nguyễn Văn	Pháp	20/04/2006	CCQ2417H	822 Pháp	7,8	6,5	7,0	
35	2124170196	Huỳnh Tấn	Phát	25/11/2005	CCQ2417F	819 Phát	7,0	4,2	5,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410328)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi: ...3A....

Số tờ giấy thi: 3A..

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124300150	Võ Thị Thái	An	18/01/2005	CCQ2430E	822	6,0	5,0	5,4	
2	2124300049	Nguyễn Thị Quỳnh	Ăn	03/11/2006	CCQ2430B	819	6,5	5,5	5,9	
3	2124300136	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/05/2006	CCQ2430D	880	8,7	8,4	8,5	
4	2124300122	Phạm Tuấn	Anh	28/05/2006	CCQ2430D	821	2,6	1,8	2,1	H
5	2124300012	Phan Thị Kim	Anh	20/09/2006	CCQ2430A	822	5,5	3,1	4,1	H
6	2124300161	Đỗ Lê Ngọc	Ánh	17/06/2006	CCQ2430E	819	6,8	4,2	5,2	
7	2124300015	Nguyễn Hồng	Ánh	01/10/2006	CCQ2430A	820	8,2	6,9	7,4	
8	2124300053	Trần Thị Ngọc	Ánh	21/02/2006	CCQ2430B	821	7,1	6,0	6,4	
9	2124300128	Ngô Trần Lâm Thái	Bảo	10/06/2005	CCQ2430D	822	5,7	5,1	5,3	
10	2124300195	Đổng Văn	Ca	11/01/2003	CCQ2430A		2,0			
11	2124300113	Vũ Ngọc Bảo	Châu	12/05/2005	CCQ2430D	820	7,4	6,7	7,0	
12	2124300064	Nguyễn Hải	Đăng	28/09/2006	CCQ2430B	821	4,6	4,4	4,5	H
13	2124300038	Lê Thành	Danh	13/06/2005	CCQ2430B	822	3,9	4,5	4,3	H
14	2124300058	Nguyễn Thành	Đạt	23/01/2005	CCQ2430B	819	5,9	7,8	7,0	
15	2124300041	Trần Tiến	Đạt	25/03/2006	CCQ2430B	820	6,6	5,6	6,0	
16	2124300005	Phạm Ngọc Quốc	Đông	08/07/2003	CCQ2430A	821	8,0	6,8	7,3	
17	2124300135	Phan Tiến	Đông	08/06/2006	CCQ2430D	822	7,4	7,0	7,2	
18	2124300077	Nguyễn Minh	Dương	01/03/2006	CCQ2430C	819	5,5	4,4	4,8	H
19	2124300009	Nguyễn Tuấn	Duy	14/04/2004	CCQ2430A	820	7,2	7,7	7,5	
20	2124300043	Lê Thị	Giang	05/02/2001	CCQ2430B	821	6,7	7,6	7,2	
21	2124300151	Phan Tư	Hào	10/05/2006	CCQ2430E	822	6,2	5,8	6,0	
22	2124300131	Trần Thanh	Hậu	16/04/2003	CCQ2430D	821	3,5	4,0	3,8	H
23	2124300010	Trần Thị Thu	Hiền	25/02/2006	CCQ2430A	819	5,1	4,5	4,7	H
24	2124300032	Hoàng Tấn	Hiệp	16/10/2006	CCQ2430A	820	6,3	4,1	5,0	
25	2124300164	Đoàn Lê Trung	Hiếu	28/05/2006	CCQ2430E	822	6,0	5,3	5,6	
26	2124300023	Nguyễn Phi	Hoàng	21/01/2006	CCQ2430A	819	4,1	5,8	5,1	
27	2124300156	Lê Kiều	Hưng	25/08/2006	CCQ2430E		2,0			
28	2124300093	Nguyễn Tiến	Hưng	18/08/2006	CCQ2430C		6,9			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410328)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124300123	Nguyễn Lê Tuyết	Hường	02/10/2006	CCQ2430D	822	7,4	5,3	6,1	
30	2124300095	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11/06/2006	CCQ2430C	819	4,9	5,7	5,4	
31	2124300048	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/07/2006	CCQ2430B	820	7,0	7,7	7,4	
32	2124300157	Nguyễn Trần Thanh	Huyền	21/04/2006	CCQ2430E	821	7,9	6,3	6,9	
33	2124300069	Nguyễn Việt	Khoa	03/02/2006	CCQ2430B	822	5,4	5,9	5,7	
34	2124300085	Nguyễn Tuấn	Kiệt	20/11/2005	CCQ2430C		3,0			
35	2124300036	Phạm Thành	Kiệt	21/03/2005	CCQ2430A	819	8,2	6,5	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

V1:2
Đ:29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410306)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi:31...

Số tờ giấy thi: 31..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110336	Mai Văn An	25/05/2006	CCQ2411I	819		8,9	3,4	5,6	
2	2124340006	Lê Tuấn Anh	27/10/2006	CCQ2434A	820		9,7	4,2	6,4	
3	2124110309	Nguyễn Hoàng Anh	06/05/2005	CCQ2411I			0,0			
4	2124310009	Thái Phan Hồng	22/12/2006	CCQ2431A	822		6,7	6,8	6,8	
5	2124340033	Huỳnh Gia Bảo	16/10/2006	CCQ2434A	819		9,3	6,4	7,6	
6	2124310042	Nguyễn Huy Gia	29/01/2006	CCQ2431B	820		6,1	4,3	5,0	
7	2124310032	Lê Minh Cường	15/03/2006	CCQ2431A	821		9,1	8,0	8,4	
8	2124340029	Lê Trọng Danh	16/06/2006	CCQ2434A	822		8,7	4,0	5,9	
9	2123050084	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B	819		6,1	3,1	4,3	
10	2124310037	Dương Trung	22/08/2004	CCQ2431B	820		9,2	6,6	7,6	
11	2124310033	Nguyễn Thùy Dương	19/09/2006	CCQ2431A	821		9,5	8,2	8,7	
12	2124340021	Cao Bảo Duy	16/01/2006	CCQ2434A	820		9,6	6,7	7,9	
13	2124340005	Hồ Tường Duy	09/09/2006	CCQ2434A	821		9,5	4,3	6,4	
14	2124110337	Nguyễn Hữu Duy	23/05/2006	CCQ2411I	822					Ký tên DS
15	2124340020	Nguyễn Trần Bá Duy	05/05/2006	CCQ2434A	822		8,3	5,7	6,7	
16	2123050058	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B	819		5,8	6,1	6,0	
17	2124310027	Đỗ Thanh Hải	24/07/2006	CCQ2431A	820		6,6	4,9	5,6	
18	2124310012	Nguyễn Hoàng Hải	26/02/2006	CCQ2431A	821		9,7	8,3	8,9	
19	2124310067	Nguyễn Thị Như Hằng	18/05/2006	CCQ2431B	822		8,6	5,7	6,9	
20	2124310045	Trịnh Hiếu Hạo	30/08/2006	CCQ2431B	819		9,3	8,0	8,5	
21	2124110326	Bùi Chí Hiếu	02/01/2005	CCQ2411I	820		4,3	7,6	6,3	
22	2124340009	Nguyễn Hữu Hiếu	13/07/2006	CCQ2434A	821		9,0	4,9	6,5	
23	2124340004	Phạm Minh Hiếu	28/03/2005	CCQ2434A	822		8,5	5,1	6,5	
24	2124310018	Võ Thành Huân	15/02/2006	CCQ2431A	819		7,8	4,0	5,5	
25	2124340028	Nguyễn Xuân Hùng	10/12/2006	CCQ2434A	820		7,7	4,7	5,9	
26	2124310023	Bùi Huỳnh Gia Huy	11/11/2006	CCQ2431A	821		6,3	4,6	5,3	
27	2124110296	Đinh Hoàng Gia Huy	11/06/2006	CCQ2411I	822		1,2	3,5	2,6	
28	2124340011	Hồ Quốc Huy	19/11/2006	CCQ2434A	820		7,4	4,2	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410306)

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110339	Nguyễn Mạnh Huy	10/01/2005	CCQ2411I						
30	2124310069	Nguyễn Tấn Hoàng	20/01/2006	CCQ2431B			0,0			
31	2124310063	Nguyễn Văn	10/06/2006	CCQ2431B		Thư	8,6	4,0	5,8	
32	2123200532	Triệu Quang	02/12/2005	CCQ2320E		Th	6,4	5,1	5,6	
33	2124340030	Võ Văn	16/10/2006	CCQ2434A		ly	9,5	6,2	7,5	
34	2124310070	Lê Thị Như	30/11/2005	CCQ2431B		Huyñh	9,2	8,0	8,5	
35	2124110294	Nguyễn Hoàng	01/11/2005	CCQ2411I		Khay	4,4	5,5	5,1	